



TRẦN DIÊN HIỂN (Chủ biên)

NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - ĐÀO THÁI LAI - NGUYỄN THUYẾT VÂN

Toán

1

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



TRẦN DIỄN HIỂN (Chủ biên)

NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - ĐÀO THÁI LAI - NGUYỄN THUY VÂN

Toán

1
TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Giải thích kí hiệu



Em khám phá kiến thức mới



Em thực hành, luyện tập,
củng cố kiến thức



Em vận dụng kiến thức trong
giải toán và vào cuộc sống



Em kiểm lại những kiến thức
cần nhớ



Em kiểm lại những yêu cầu
cần đạt sau mỗi bài học

Giải thích câu lệnh

Kí hiệu

Yêu cầu thực hiện

$<, >, =$?

Chọn dấu $<, >$ hoặc $=$ thích hợp thay cho dấu ?

Số ?

Tìm số thích hợp thay cho dấu ?

Đ - S ?

Chọn Đ (đúng) hoặc S (sai) thay cho dấu ?

Địa chỉ tư liệu điện tử hỗ trợ giáo viên và học sinh:

<http://sachthietbigiaoduc.vn/gioi-thieu-sach/tieu-hoc/-/BOOK/6603/toan-1-tap-2.html>

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau!*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 1 thân mến!

Chúc mừng các em vừa hoàn thành học kì đầu tiên của lớp 1!

Cuốn sách Toán 1, tập hai sẽ đồng hành cùng các em trong học kì tiếp theo của năm học này.

Cuốn sách sẽ giúp các em biết đọc, viết, đếm và so sánh các số trong phạm vi 100, đồng thời các em cũng sẽ biết cộng, trừ không nhớ các số trong phạm vi 100. Các em sẽ được học cách đo độ dài, xem đồng hồ và biết các ngày trong một tuần lễ.

Thông qua các hoạt động *Trải nghiệm, Khám phá, Thực hành, Vận dụng*, các em từng bước phát hiện kiến thức mới, rèn luyện kĩ năng, phát triển năng lực và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành thân thiết với các em, giúp các em mở cánh cửa bước vào thế giới tri thức của loài người.

Chúc các em học tập thật vui, hào hứng với các hoạt động trong cuốn sách!

Các tác giả



Mục lục

Hướng dẫn sử dụng sách	2
Lời nói đầu	3
Chủ đề 3 Số và phép tính trong phạm vi 20	6
54. Các số trong phạm vi 20	7
55. Luyện tập	10
56. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 20	12
57. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 20	14
58. Luyện tập	16
59. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: Em khám phá các nhóm vật	18
60. Đo độ dài	21
61. Xăng-ti-mét	24
62. Luyện tập	27
63. Luyện tập chung	29
64. Luyện tập chung	32
65. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: Tìm hiểu lớp em	34
Chủ đề 4 Các số trong phạm vi 100	37
66. Các số tròn chục	38
67. Luyện tập	41
68. Các số có hai chữ số	43
69. Luyện tập	46
70. Các số có hai chữ số (tiếp theo)	48
71. Luyện tập	50
72. So sánh các số có hai chữ số	53
73. Luyện tập	55
74. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: Em đo độ dài	57
75. Luyện tập chung	62
76. Luyện tập chung	64

77. Đồng hồ.....	66
78. Luyện tập.....	69
79. Các ngày trong tuần lễ.....	71
80. Luyện tập.....	73



5 Phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100

81. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 100.....	75
82. Luyện tập.....	77
83. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.....	79
84. Luyện tập.....	81
85. Luyện tập chung.....	82
86. Cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.....	84
87. Luyện tập.....	86
88. Luyện tập chung.....	87
89. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: Khám phá ngôi trường em học.....	88
90. Ôn tập về các số trong phạm vi 100.....	91
91. Ôn tập về các số trong phạm vi 100 (tiếp theo).....	93
92. Ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 100.....	95
93. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.....	97
94. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 (tiếp theo)....	98
95. Ôn tập về hình học.....	99
96. Ôn tập về đại lượng.....	101
97. Ôn tập cuối năm.....	103
98. Ôn tập cuối năm.....	105
99. Ôn tập cuối năm.....	107
100. Ôn tập cuối năm.....	109
Bảng tra cứu từ ngữ.....	111

Chủ đề

3

SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 20



54. Các số trong phạm vi 20



10 que tính = 1 chục que tính

10 đơn vị = 1 chục



		Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
		1	1	11	mười một
		1	2	12	mười hai
		1	3	13	mười ba
		1	4	14	mười bốn
		1	5	15	mười lăm
		1	6	16	mười sáu
		1	7	17	mười bảy
		1	8	18	mười tám
		1	9	19	mười chín
		2	0	20	hai mươi



Em đã biết?

- Đọc và viết các số đến 20.





1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
1	4	14	mười bốn
?	?	12	?
?	?	?	mười chín
1	1	?	?
?	?	16	?

2. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho ?:

- a. Số mười lăm viết là , số đó gồm chục và đơn vị.
- b. Số 11 đọc là , số đó gồm chục và đơn vị.
- c. Số gồm 2 chục và 0 đơn vị viết là và đọc là .

3. Số ?

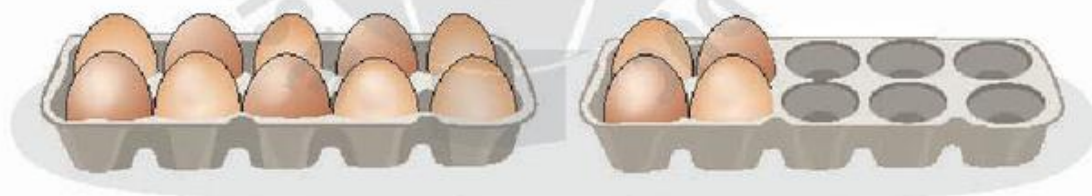
a.



b.



4. Có bao nhiêu quả trứng trong hình dưới đây?



Em học xong bài này

- Bước đầu đọc, viết, đếm được các số trong phạm vi 20.
- Sử dụng được các số trong phạm vi 20 vào cuộc sống.

55. Luyện tập



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
1	7	17	mười bảy
?	?	13	?
?	?	?	hai mươi
1	5	?	?
?	?	18	?

2. Số ?

1	2	?	?	5	?	?	?	?	10
11	12	?	?	?	?	17	?	?	20

3. Số ?

0	2	4	?	?	?	12	?	?	?	20
---	---	---	---	---	---	----	---	---	---	----

1	3	?	7	?	?	13	?	?	19
---	---	---	---	---	---	----	---	---	----

4. Trong hình dưới đây có bao nhiêu ngôi sao?



5. Số ?

3

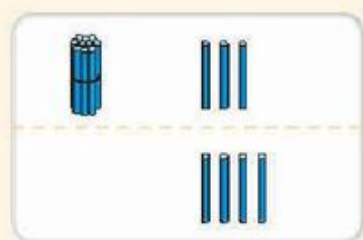
?

?

Em học xong bài này

- Đọc, viết và đếm được các số đến 20.
- Sử dụng được các số đã học trong cuộc sống.

56. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 20



$$\begin{array}{r} 13 \\ + 4 \\ \hline 17 \end{array}$$

• 3 cộng 4 bằng 7, viết 7

• Hạ 1, viết 1

$$13 + 4 = 17$$

Em đã biết?

- Cộng không nhớ trong phạm vi 20.



1. Tính:

$$\begin{array}{r} 13 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$12 + 3$$

$$11 + 7$$

$$2 + 16$$

$$10 + 9$$

3. Tính:

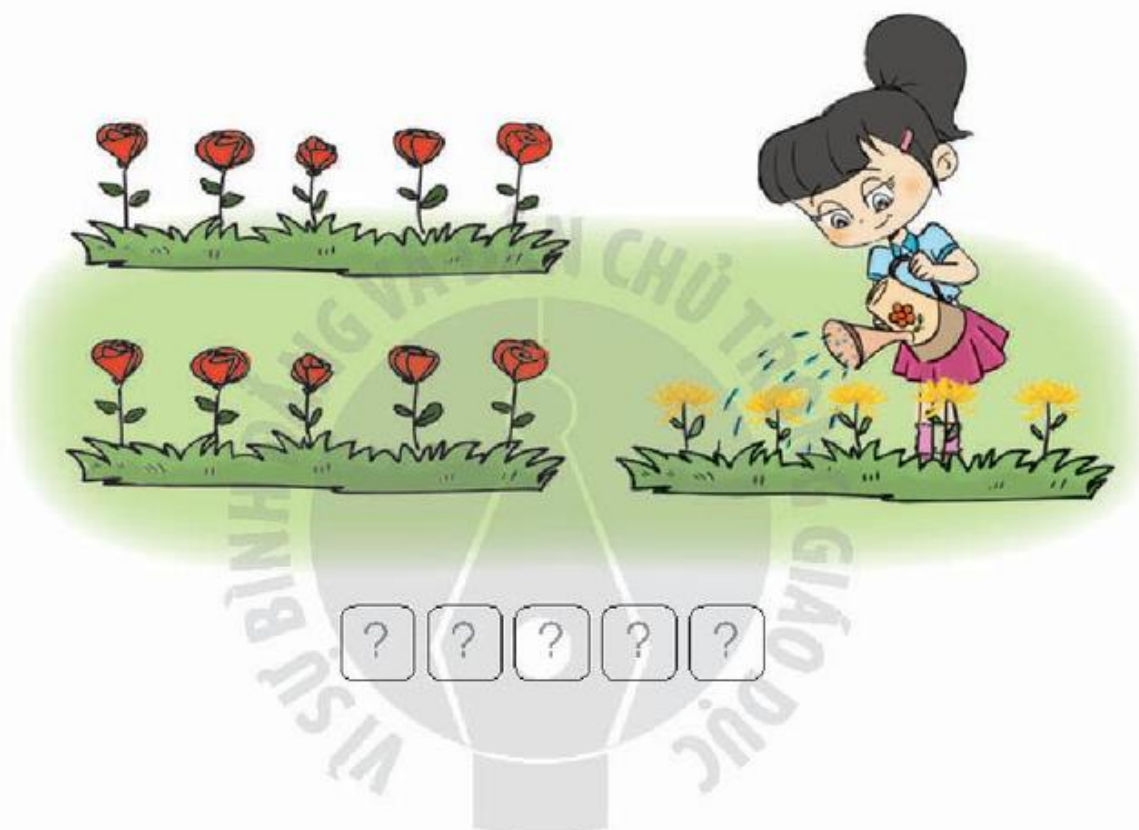
$16 + 1 + 2$

$13 + 0 + 6$

$10 + 4 + 4$



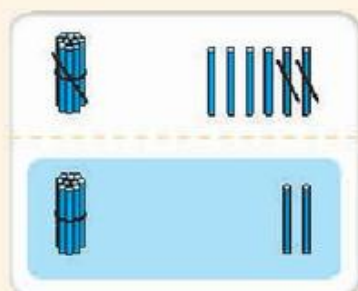
4. Quan sát tranh và nêu phép cộng thích hợp:



Em học xong bài này

- Bước đầu thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 20.
- Bước đầu vận dụng được phép cộng không nhớ trong phạm vi 20 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

57. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 20



16

-

12

- 6 trừ 2 bằng 4, viết 4

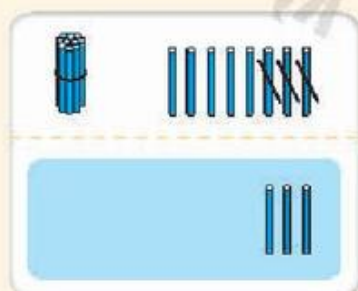
- 1 trừ 1 bằng 0, viết 0

$$16 - 12 = 4$$

04



- Trừ từ phải sang trái.
- Trừ đơn vị cho đơn vị.
- Trừ chục cho chục.



18

-

3

- 8 trừ 3 bằng 5, viết 5

- Hạ 1, viết 1

$$18 - 3 = 15$$



15

Em đã biết?

- Trừ không nhớ trong phạm vi 20.





1. Cách đặt tính nào đúng?

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 11 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ - 10 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$15 - 11$$

$$19 - 6$$

$$16 - 10$$

3. Tính:

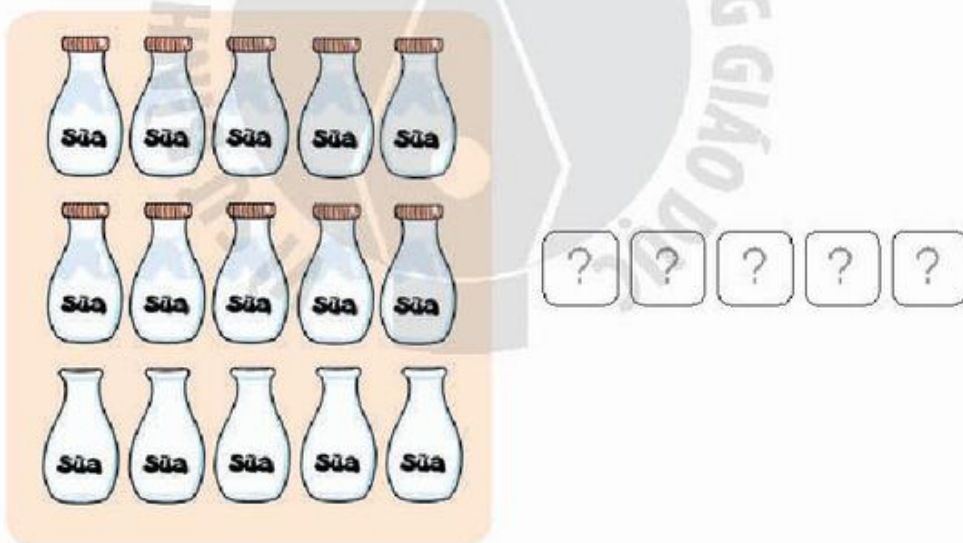
$$12 + 7 - 14$$

$$18 - 7 + 5$$

$$15 - 5 + 8$$



4. Quan sát tranh và nêu phép trừ thích hợp:



Em học xong bài này

- Bước đầu thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 20.
- Bước đầu vận dụng được phép trừ không nhớ trong phạm vi 20 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

58. Luyện tập



1. Tính:

$$\begin{array}{r} 19 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$12 + 5$$

$$19 - 9$$

$$15 - 4$$

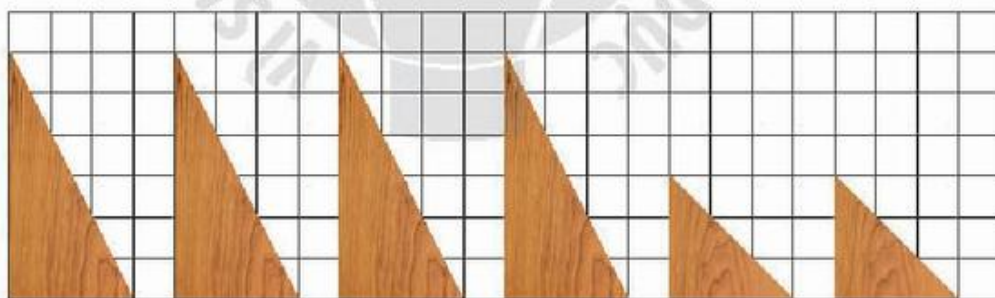
3. Tính:

$$10 + 7 - 4$$

$$19 - 5 + 3$$

$$15 - 4 + 7$$

4. Cho 6 mảnh gỗ hình tam giác:



Hãy ghép 6 mảnh gỗ đó để được hình dưới đây:





5. Quan sát tranh và nêu phép tính thích hợp:



?	?	?	?	?
---	---	---	---	---



Em học xong bài này

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 20 và vận dụng được để tính toán, xử lý các tình huống trong cuộc sống.
- Lắp ghép được hình theo yêu cầu.



59. Em khám phá các nhóm vật

Em muốn biết

- Các nhóm vật em thường thấy theo nhóm đôi.
- Các nhóm vật em thường thấy theo nhóm ba.
- Các nhóm vật em thường thấy theo nhóm bốn.
- Các nhóm vật em thường thấy theo nhóm năm.

Tổ chức khám phá

Chủ đề 1: Các nhóm vật thường thấy theo nhóm đôi, nhóm ba:

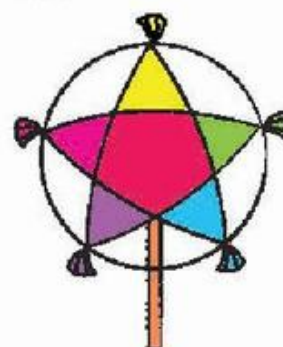




Em hãy kể tên:

- Các nhóm vật thường thấy theo nhóm đôi.
- Các nhóm vật thường thấy theo nhóm ba.

Chủ đề 2: Các nhóm vật thường thấy theo nhóm bốn, nhóm năm:



Em hãy kể tên:

- Các nhóm vật thường thấy theo nhóm bốn.
- Các nhóm vật thường thấy theo nhóm năm.

Em làm được gì?

- Báo cáo kết quả trải nghiệm.
- Thảo luận, góp ý kiến bổ sung.



Giao lưu – chia sẻ

- Trưng bày kết quả trải nghiệm.
- Em hãy kể lại cho gia đình và người thân về những điều lí thú lớp em vừa khám phá.



60. Đo độ dài



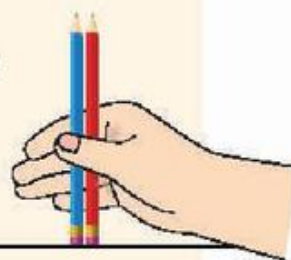
Dài hơn, ngắn hơn, dài bằng nhau



- Thước kẻ dài hơn bút chì.
- Bút chì ngắn hơn thước kẻ.

– Bút chì màu đỏ dài bằng bút chì màu xanh.

– Hai bút chì dài bằng nhau.



- Băng giấy màu vàng ngắn hơn băng giấy màu xanh.
- Băng giấy màu xanh dài hơn băng giấy màu vàng.



- Băng giấy màu tím dài bằng băng giấy màu xanh.
- Hai băng giấy dài bằng nhau.

Cách đo độ dài



- Đo độ dài bằng gang tay.



- Đo độ dài bằng sải tay.



– Đo độ dài bằng bước chân.



– Đo độ dài bằng đoạn tre.

Em đã biết?

- So sánh độ dài hai vật.
- Đo độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân....



1. So sánh độ dài:

a.



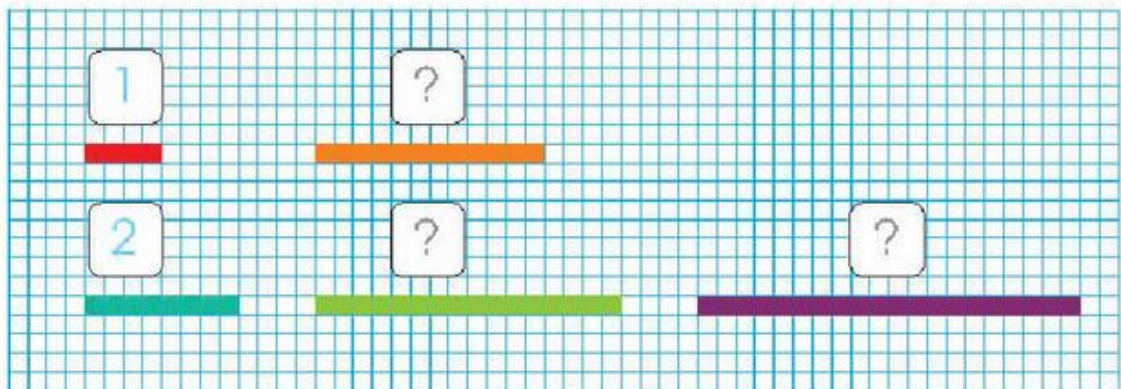
b.



c.



2. Số ?



3. Thực hành đo độ dài:

- Đo chiều dài mặt bàn bằng gang tay.
- Đo chiều dài bảng lớp học bằng sải tay.

Bước chân,
gang tay, sải tay,...
là đơn vị đo
tự quy ước.



- Em hãy ước lượng xem chiều dài lớp học khoảng bao nhiêu bước chân.
 - Em đo lại để kiểm tra nhé.



Em học xong bài này

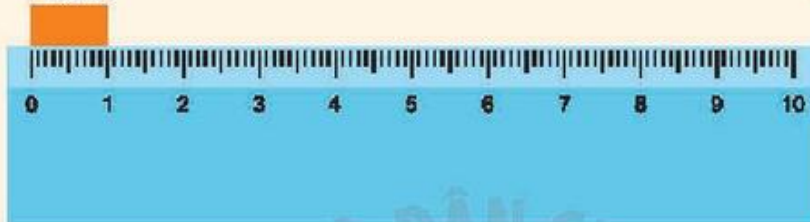
- So sánh được độ dài hai vật.
- Đo được độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân,...

61. Xăng-ti-mét



Xăng-ti-mét

1 cm



Xăng-ti-mét
là đơn vị đo
độ dài.



Độ dài đoạn băng giấy màu cam là 1 xăng-ti-mét.

Xăng-ti-mét kí hiệu là cm.

Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài một vật

3 cm



Đoạn băng giấy màu tím dài 3 cm.

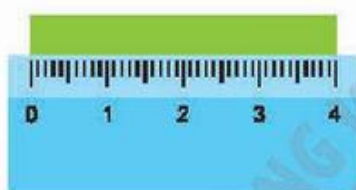
Em đã biết?

- Xăng-ti-mét là đơn vị đo độ dài.
- Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài một vật.





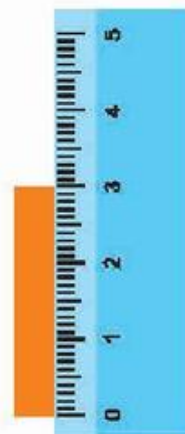
1. Số ?



a. cm



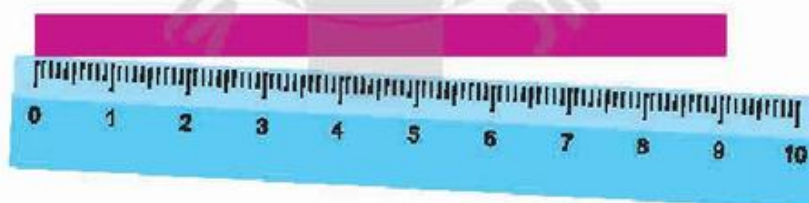
b. cm



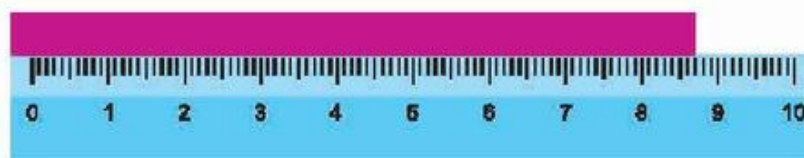
c. cm

2. Cách đặt thước đo nào đúng?

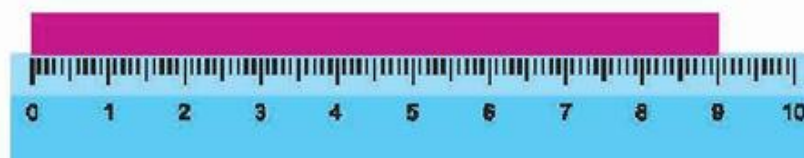
A



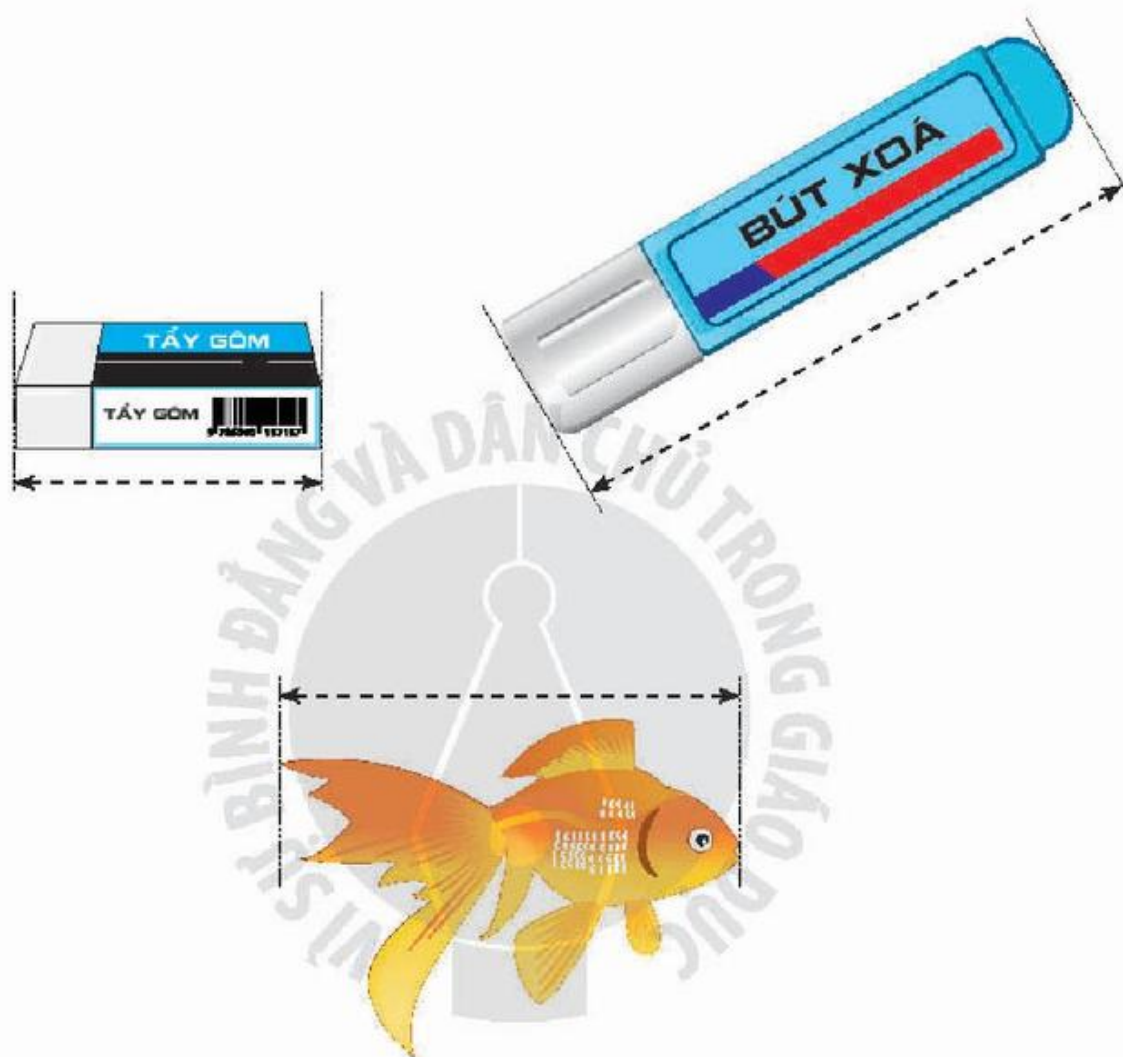
B



C



3. Đo độ dài của các vật, con vật dưới đây rồi nêu số đo của chúng:



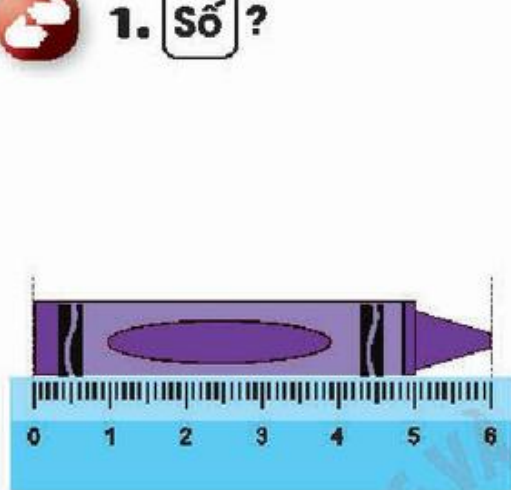
4. Hãy cắt một đoạn băng giấy dài 8 cm rồi dán vào vở.

Em học xong bài này

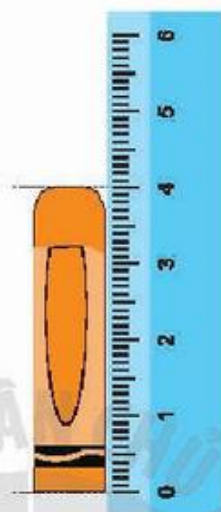
- ▶ Nhận biết được đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét.
- ▶ Sử dụng được thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài các đồ vật cụ thể.

62. Luyện tập

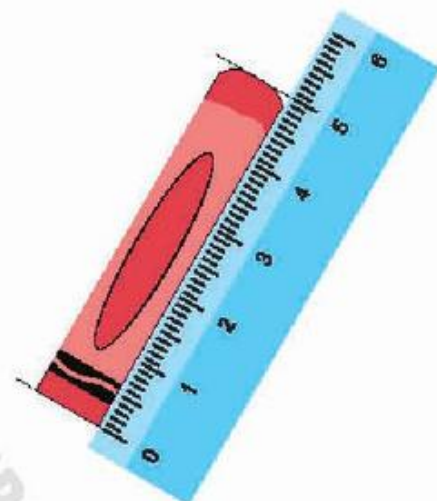
1. Số ?



? cm

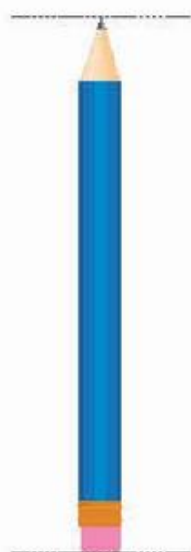


? cm

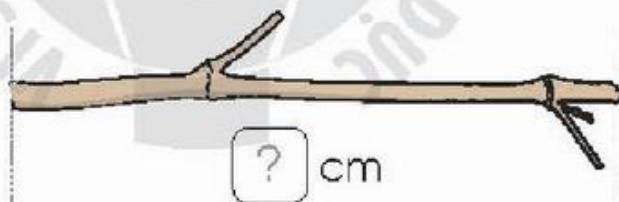


? cm

2. Đo độ dài các vật dưới đây rồi nêu kết quả đo:



? cm



? cm



? cm

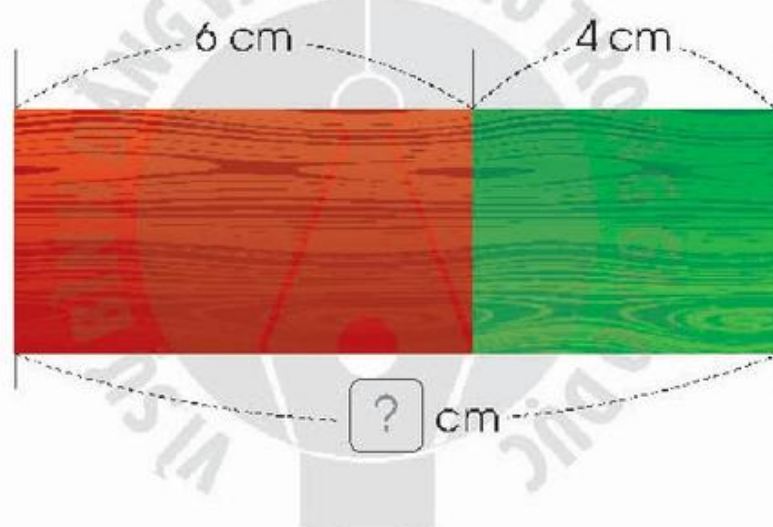
3. Dùng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét để đo rồi nêu số đo:

- a. Độ dài cái tẩy.
- b. Độ dài ngón tay út của em.



4. Cắt một đoạn băng giấy có độ dài 10 cm.

5. Số ?



Em học xong bài này

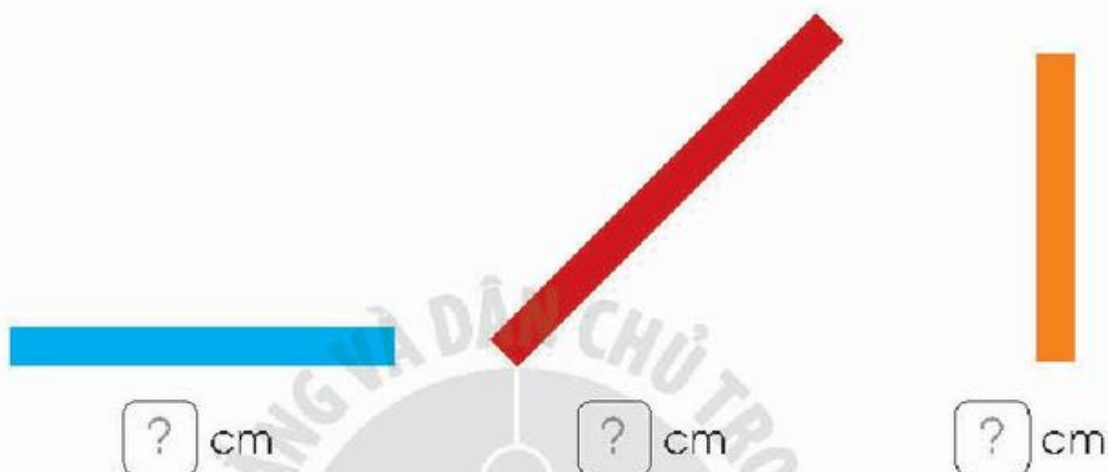


► Đo được độ dài một số đồ vật bằng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.

63. Luyện tập chung



1. Dùng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét đo độ dài các băng giấy rồi nêu số đo:



2. Tính (theo mẫu):

$$3 \text{ cm} + 5 \text{ cm} = 8 \text{ cm}$$

$$6 \text{ cm} + 3 \text{ cm}$$

$$4 \text{ cm} + 6 \text{ cm}$$

$$9 \text{ cm} - 2 \text{ cm}$$

$$10 \text{ cm} - 5 \text{ cm}$$



3. Hãy ước lượng rồi đo kiểm tra lại, sau đó nêu số thích hợp thay cho dấu ?:

	Số đo ước lượng	Số đo thực
Chiều dài hành lang lớp em	? bước chân	? bước chân
Chiều dài hộp bút	? cm	? cm

4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

- *Bài toán:* Trên sân trường có 5 bạn đang chơi, thêm 3 bạn chạy tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?



- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán hỏi gì?

Phép tính

$$5 + 3 = 8 \text{ (bạn)}$$

Tất cả có 8 bạn.

- Nhà Bình có 6 con gà, mẹ mua thêm 3 con gà. Hỏi nhà Bình có tất cả bao nhiêu con gà?



(con)

5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Hạnh có 12 bông hoa màu đỏ và 7 bông hoa màu vàng.
Hỏi Hạnh có tất cả bao nhiêu bông hoa?



(bông hoa)

Em học xong bài này

- Ước lượng và dùng thước đo được độ dài các vật.
- Cộng, trừ được số đo độ dài với đơn vị xăng-ti-mét.
- Tìm được phép cộng phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

64. Luyện tập chung

1. Số ?

a.



b.



2. Đặt tính rồi tính:

$$17 + 2$$

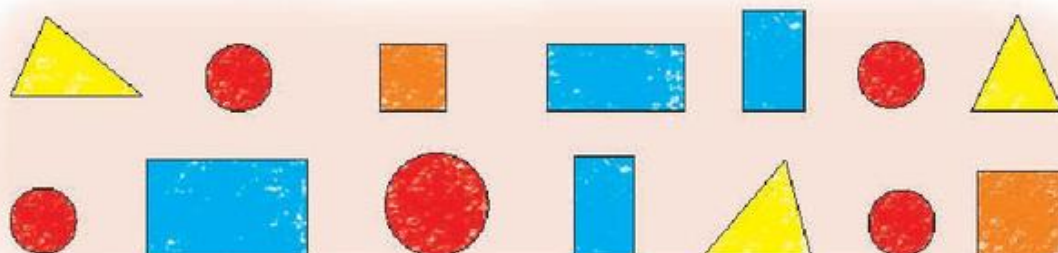
$$15 + 3$$

$$18 - 8$$

$$17 - 13$$

3. Đ - S ?

Trong các hình dưới đây:



a. Số hình chữ nhật nhiều hơn số hình vuông.

b. Số hình vuông ít hơn số hình tròn.

c. Số hình tam giác bằng số hình chữ nhật.



4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

- *Bài toán:* Trên sân trường có 8 bạn đang chơi, một lúc sau có 3 bạn chạy đi. Hỏi còn lại bao nhiêu bạn?



Phép tính

$$8 - 3 = 5 \text{ (bạn)}$$

– Bài toán cho biết gì?

– Bài toán hỏi gì?

Còn lại 5 bạn.

- Trong bể có 9 con cá, em vớt ra 3 con. Hỏi trong bể còn lại mấy con cá?

(con)

5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Tổ 2 lớp 1A có tất cả 9 bạn, trong đó có 5 bạn nam. Hỏi tổ 2 có mấy bạn nữ?

(bạn)



Em học xong bài này

- ▶ Đọc, viết được các số trong phạm vi 20.
- ▶ Thực hiện được phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20.
- ▶ Nhận dạng được các hình đã học.
- ▶ Tìm được phép trừ phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.



65. Tìm hiểu lớp em

Em muốn biết

- Lớp em học và bạn bè trong lớp.
- Trang trí và sắp xếp đồ vật trong phòng học của lớp em.
- Hình dạng, vị trí các vật cố trong lớp học.

Tổ chức khám phá

Chủ đề 1: Các bạn trong lớp em



Em hãy tìm hiểu:

- Lớp em có mấy tổ?
- Tổ 1 có mấy bạn nam, mấy bạn nữ?
- Tổ 2 có mấy bạn nam, mấy bạn nữ?

- Tổ 3 có mấy bạn nam, mấy bạn nữ?
- Tổ nào có nhiều bạn nam nhất?
- Tổ nào có ít bạn nam nhất?
- Tổ nào có nhiều bạn nữ nhất?
- Tổ nào có ít bạn nữ nhất?

Chủ đề 2: Lớp học của em



Em hãy tìm hiểu:

- Phòng học của lớp em có mấy cửa ra vào, có mấy cửa sổ?
- Lớp em có mấy dãy bàn?

Chủ đề 3: Hình dạng các đồ vật trong lớp học



Nhìn trong lớp học, em hãy kể tên:

- Các đồ vật có dạng hình chữ nhật.
- Các đồ vật có dạng hình tam giác.
- Các đồ vật có dạng hình tròn.
- Các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.

Em làm được gì?

- Ghi lại kết quả khám phá.
- Thảo luận, góp ý kiến bổ sung.



Giao lưu – chia sẻ

- Trưng bày kết quả trải nghiệm.
- Em hãy kể lại cho gia đình và người thân về lớp học của em.

Chủ đề

4

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

Sắp tới giờ
vào lớp rồi!

20...

...21...

...22...

23

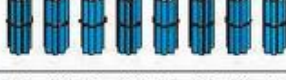
24

66. Các số tròn chục



Cứ 10 que tính
bổ lại thành
một chục que tính.



	Số chục	Viết số	Đọc số
	1 chục	10	mười
	2 chục	20	hai mươi
	3 chục	30	ba mươi
	4 chục	40	bốn mươi
	5 chục	50	năm mươi
	6 chục	60	sáu mươi
	7 chục	70	bảy mươi
	8 chục	80	tám mươi
	9 chục	90	chín mươi



10 chục

1 trăm viết là 100



=



1 trăm

Em đã biết?

- Nhận biết, đọc và viết các số tròn chục.

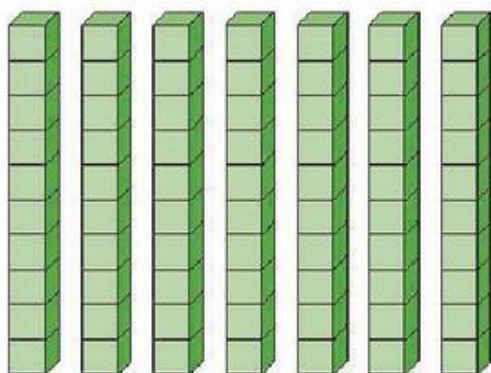




1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Số chục	Viết số	Đọc số
1 chục	10	mười
2 chục	?	hai mươi
3 chục	?	ba mươi
?	40	bốn mươi
?	?	năm mươi
6 chục	?	?
7 chục	?	?
?	80	?
?	?	chín mươi
10 chục	?	một trăm

2. Số ?

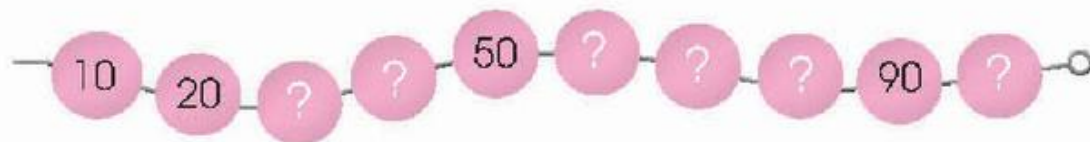


Có ? chục khối lập phương.

Có ? khối lập phương.

3. Số ?

a.



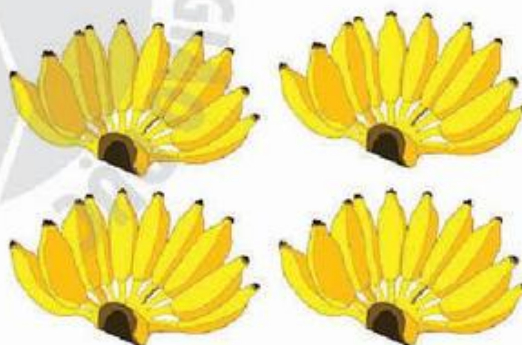
b.



4. Số ?

Có ? chục quả chuối.

Có ? quả chuối.



Em học xong bài này

- Nhận biết, đọc và viết được các số tròn chục.
- Nhận biết được thứ tự các số tròn chục trong phạm vi 100.

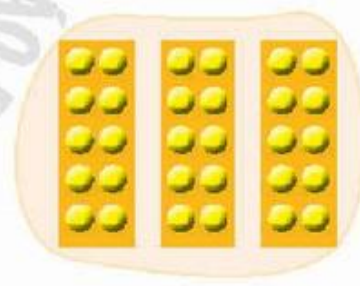
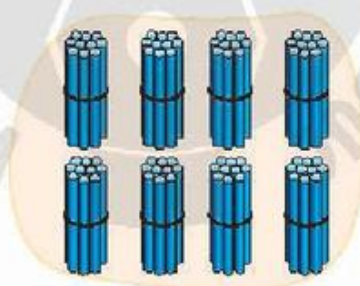
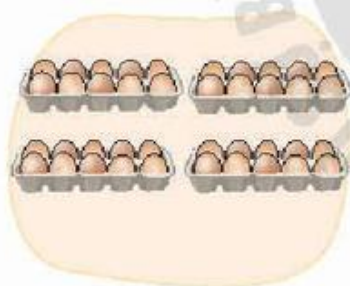
67. Luyện tập



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Số chục	Viết số	Đọc số
3 chục	30	ba mươi
?	?	chín mươi
?	50	?
8 chục	?	?
?	?	một trăm

2. Chọn số phù hợp với mỗi bức tranh:



80

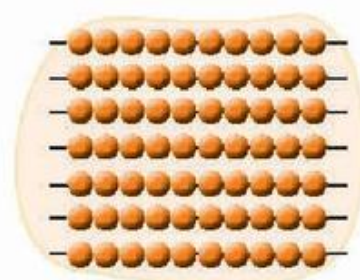
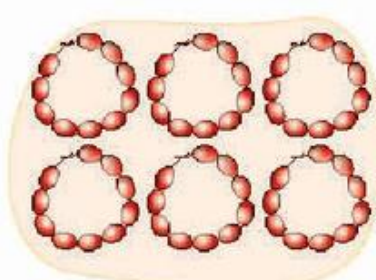
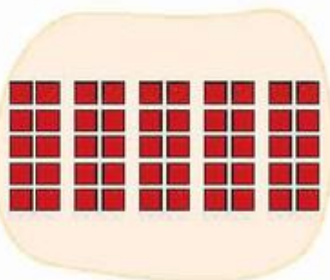
50

40

30

70

60



3. Chọn số thích hợp với mỗi cách đọc:

một chục

năm chục

hai chục

10

20

40

50

70

100

bốn chục

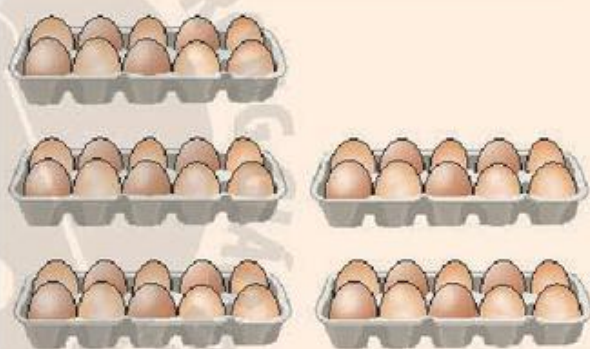
bảy chục

một trăm

4. Số ?

Có ? chục trứng gà.

Có ? quả trứng gà.



5. Lấy cho đủ 3 chục khối lập phương:



Em học xong bài này

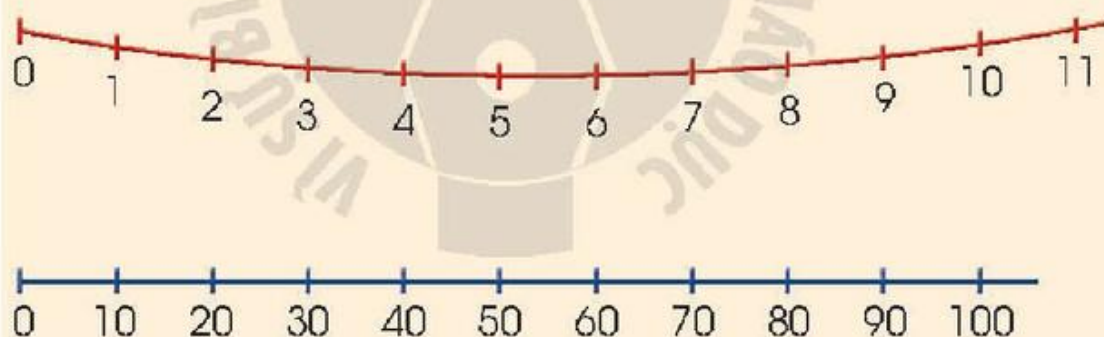


► Nhận biết, đếm, đọc, viết được các số tròn chục.

68. Các số có hai chữ số



		Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
		2	7	27	hai mươi bảy
		3	8	38	ba mươi tám
		6	3	63	sáu mươi ba
		7	0	70	bảy mươi



Em đã biết?

- Đọc và viết số có hai chữ số.





1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

		Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
		3	2	32	ba mươi hai
		?	?	?	?
		?	?	?	?
		?	?	?	?

2. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho ?:

a. Số bốn mươi tám viết là ?.

Số đó gồm ? chục và ? đơn vị.

b. Số 20 đọc là ?. Số đó gồm ? chục và ? đơn vị.

c. Số gồm 5 chục và 8 đơn vị viết là ? và đọc là ?.

3. Số ?



4. Số ?

- a.** Lớp em có học sinh.
- b.** Lớp em có học sinh nam và học sinh nữ.

Em học xong bài này



- Đọc, viết được các số có hai chữ số có hàng đơn vị khác 1, 4, 5.
- Nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.

69. Luyện tập



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho $\boxed{?}$:

a. Số sáu mươi tám viết là $\boxed{?}$. Số đó gồm $\boxed{?}$ chục và $\boxed{?}$ đơn vị.

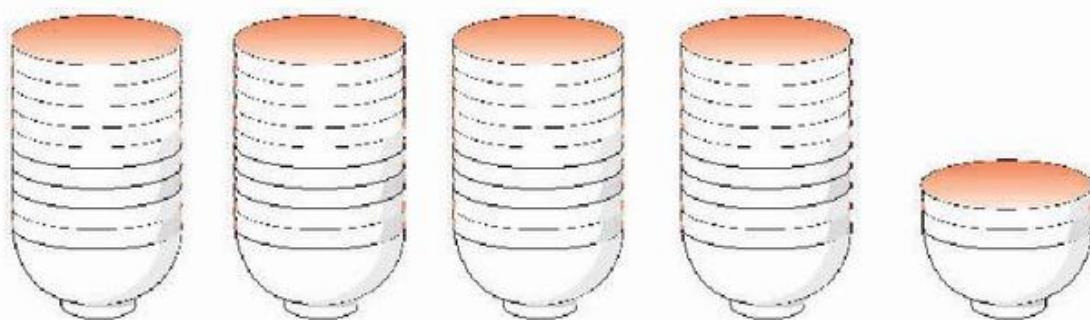
b. Số 77 đọc là $\boxed{?}$. Số đó gồm $\boxed{?}$ chục và $\boxed{?}$ đơn vị.

c. Số có 2 chục và 2 đơn vị viết là $\boxed{?}$ và đọc là $\boxed{?}$.

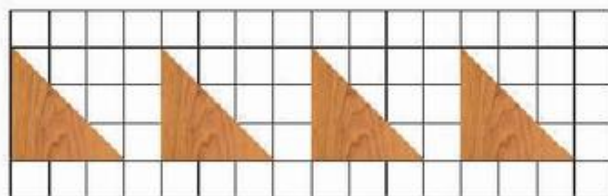
2. Số ?



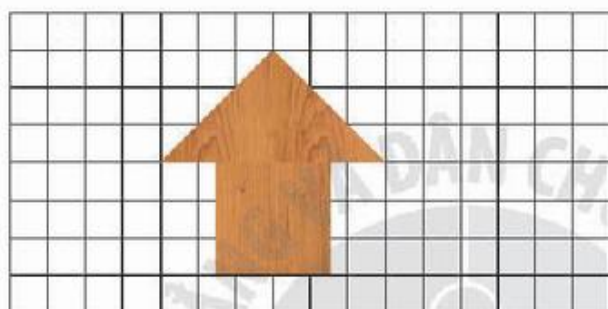
3. Trong hình dưới đây có bao nhiêu cái bát?



4. Cho 4 mảnh gỗ hình tam giác giống nhau:



Hãy ghép 4 mảnh gỗ đó để được hình dưới đây:



5. Số ?

- a.** Lớp em có ? bộ bàn ghế.
- b.** Trường em có ? lớp, trong đó có ? lớp 1.

Em học xong bài này

- Đọc, viết thành thạo các số có hai chữ số có hàng đơn vị khác 1, 4, 5.
- Thực hiện được việc lắp ghép hình.
- Sử dụng được số có hai chữ số trong cuộc sống.

70. Các số có hai chữ số (tiếp theo)



		Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
		1	5	15	mười lăm
		2	5	25	hai mươi lăm
		8	4	84	tám mươi tư
		1	4	14	mười bốn
		4	1	41	bốn mươi một
		1	1	11	mười một

Em đã biết?

- Đọc, viết số có hai chữ số có tận cùng là 1, 4, 5.



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ? :

		Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
		3	4	34	ba mươi tư
		?	?	?	?
		?	?	?	?
		?	?	?	?

2. Số ?

- a. Số sáu mươi tư viết là . Số đó gồm chục và đơn vị.
- b. Số chín mươi lăm viết là . Số đó gồm chục và đơn vị.
- c. Số ba mươi mốt viết là . Số đó gồm chục và đơn vị.

3. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho .

- a. Số 71 đọc là . Số đó gồm chục và đơn vị.
- b. Số 65 đọc là . Số đó gồm chục và đơn vị.

4. Số ?



Em học xong bài này

- Đọc, viết được các số có hai chữ số.
- Nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.
- Đếm được các số từ 1 đến 100.

71. Luyện tập



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
?	?	31	?
?	?	?	mười một
4	5	?	?
?	?	64	?

2. Tìm số thích hợp thay cho dấu ? rồi đọc các số đó:

36	37	?	?	?	41	?	?	?	45
?	?	48	?	50	?	?	?	54	?
56	?	?	59	?	?	?	63	?	65

3. Viết các số:

a. Từ 11 đến 20.

b. Từ 84 đến 95.

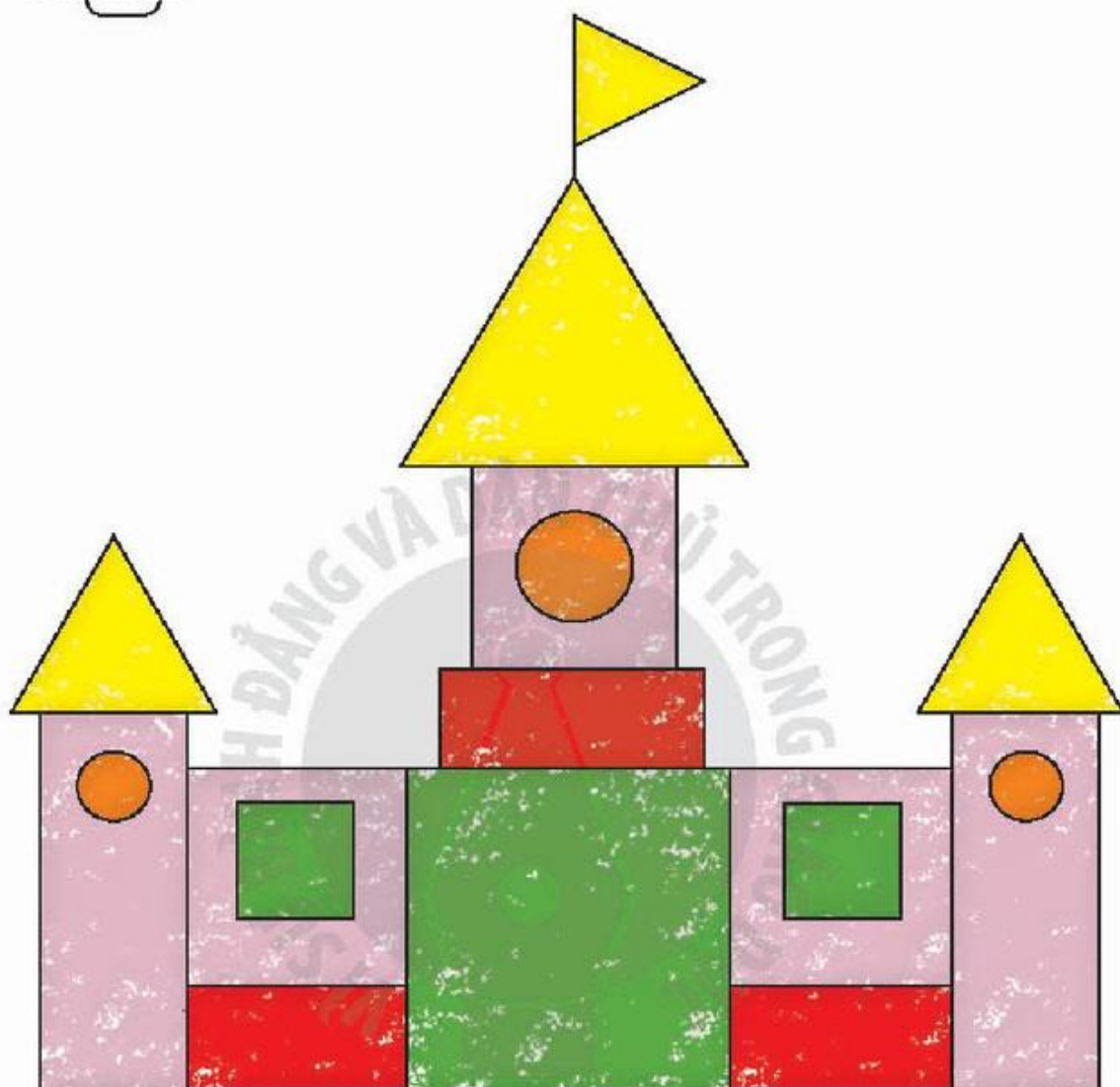


4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

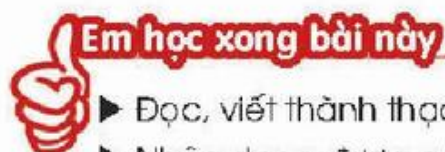
Tổp ca của tổ 1 có 8 bạn, trong đó có 5 bạn nữ. Hỏi có mấy bạn nam trong tổ ca?

(bạn)

5. Số ?



			
?	?	?	?



Em học xong bài này

- ▶ Đọc, viết thành thạo các số có hai chữ số.
- ▶ Nhận dạng được các hình đã học.

Bài đọc thêm: **Em đọc thế được không?**



72. So sánh các số có hai chữ số



85			$85 > 48$
48			$48 < 85$
73			$73 < 76$
76			$76 > 73$

Em đã biết?

- So sánh các số có hai chữ số.



1. $<, >, =$?

$44 \boxed{?} 47$

$53 \boxed{?} 46$

$96 \boxed{?} 96$

$92 \boxed{?} 59$

$79 \boxed{?} 79$

$66 \boxed{?} 63$

2. Chọn số thích hợp thay cho dấu ?:

$67 < \boxed{?}$

$35 > \boxed{?}$

19

63

92

76

$64 > \boxed{?}$

$63 = \boxed{?}$

3. a. Chọn số lớn nhất trong các số: 83, 79, 90.

b. Chọn số bé nhất trong các số: 43, 57, 28.



4. Khối lớp 1 của trường Tiểu học Thăng Lợi có 3 lớp: lớp 1A có 35 học sinh, lớp 1B có 29 học sinh, lớp 1C có 32 học sinh.

Chọn từ "**nhiều hơn**" hoặc "**ít hơn**" thay vào cho phù hợp:

– Số học sinh lớp 1A số học sinh lớp 1B.

– Số học sinh lớp 1A số học sinh lớp 1C.

– Số học sinh lớp 1B số học sinh lớp 1C.



Em học xong bài này

- So sánh được các số có hai chữ số và vận dụng được vào cuộc sống.
- Xác định được số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số.

73. Luyện tập



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Chục	Đơn vị	Đọc số	Viết số
3	2	ba mươi hai	32
?	?	tám mươi sáu	?
?	?	?	74
2	0	?	?
?	?	năm mươi lăm	?
?	?	?	98
4	3	?	?

2. <, >, = ?

$$53 \boxed{?} 46$$

$$89 \boxed{?} 93$$

$$85 \boxed{?} 85$$

$$28 \boxed{?} 72$$

$$44 \boxed{?} 18$$

$$6 \boxed{?} 61$$

3. a. Chọn số lớn nhất trong các số: 49, 71, 67.

b. Chọn số bé nhất trong các số: 30, 52, 29.

4. Sắp xếp các số 62, 48, 65 theo thứ tự:

- a. Từ bé đến lớn.
- b. Từ lớn đến bé.



5. Bạn Hồng đếm được 19 quả bưởi, 21 quả cam và 16 quả mít trong vườn.

- a. Loại quả nào có số lượng nhiều nhất?
- b. Loại quả nào có số lượng ít nhất?



Em học xong bài này



- Đọc, viết, so sánh thành thạo các số trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- Sắp xếp được các số theo thứ tự trong phạm vi 100.



74. Em đo độ dài

Em muốn biết

- Độ dài các đồ vật thường dùng xung quanh em.
- Độ dài các đồ vật trong lớp học.
- Độ dài, khoảng cách giữa các vật ngoài sân trường.

Tổ chức khám phá

Chủ đề 1: Thực hành đo độ dài các đồ vật thường dùng xung quanh em



Tìm hiểu độ dài các đồ vật gần gũi quanh em:

Lựa chọn đồ vật cần đo:

Em có thể lựa chọn đo độ dài một số đồ vật gần gũi, chẳng hạn:

- Đo độ dài hộp bút;
- Đo độ dài bút chì, thước kẻ của em, của bạn;

Chủ đề 2: Thực hành đo độ dài các đồ vật trong lớp học

Lựa chọn đồ vật cần đo:

Em có thể lựa chọn đo:
chiều dài bảng, chiều dài
tủ sách,...

Lựa chọn đơn vị đo:

Em có thể lựa chọn đơn vị
đo là: xăng-ti-mét, gang tay,
bước chân, sải tay,...



Tiến hành đo:

Ước lượng độ dài của đồ vật đã chọn; đo và ghi kết quả đo.

MẪU PHIẾU THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI

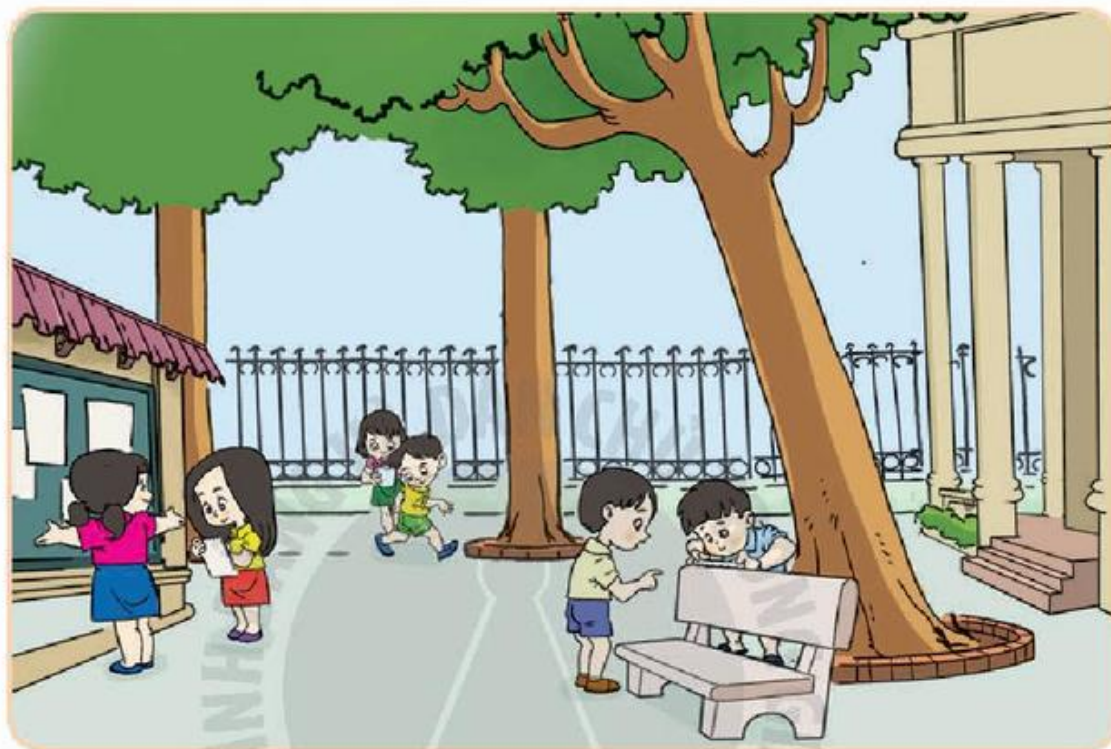
Tên nhóm: **Mèo bông**

Các bạn trong nhóm:

.....

Tên đồ vật cần đo	Ước lượng	Kết quả đo

Chủ đề 3: Thực hành đo độ dài, khoảng cách giữa các vật ở ngoài sân trường



Tìm hiểu độ dài, khoảng cách giữa các vật ngoài sân trường:

Lựa chọn độ dài, khoảng cách cần đo:

Em có thể lựa chọn đo: chiều dài vườn hoa; khoảng cách từ cổng trường đến chân cột cờ;...

Lựa chọn đơn vị đo:

Em có thể lựa chọn đơn vị đo là: gang tay, bước chân, sải tay,...

Tiến hành đo:

- Ước lượng khoảng cách đã chọn.
- Đo và ghi kết quả đo.

MẪU PHIẾU THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI

Tên nhóm: **Gà chíp chíp**

Các bạn trong nhóm:

.....

Độ dài, khoảng cách cần đo	Ước lượng	Kết quả đo

Em làm được gì?

- Ghi lại kết quả khám phá.
- Thảo luận, góp ý kiến bổ sung.



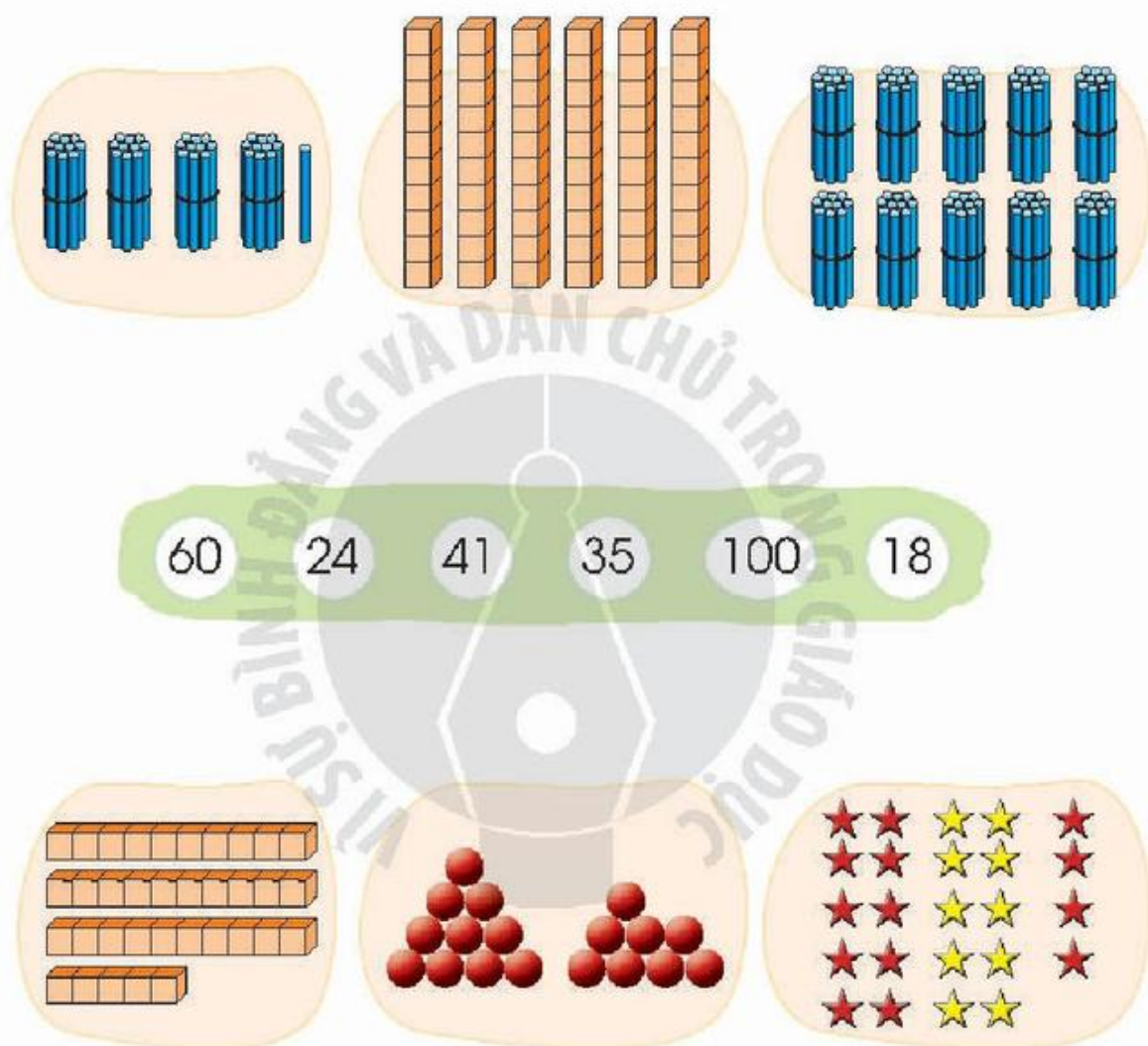
Giao lưu – chia sẻ

- Trưng bày kết quả trải nghiệm.
- Hãy kể lại cho gia đình và người thân về những điều thú vị của lớp em vừa khám phá.

75. Luyện tập chung



1. Chọn số phù hợp với mỗi bức tranh:



2. Số ?

a. Số 45 gồm chục và đơn vị.

b. Số 99 gồm chục và đơn vị.

c. Số 60 gồm chục và đơn vị.

3. $\boxed{<, >, =}$?

28 $\boxed{?}$ 37

87 $\boxed{?}$ 82

69 $\boxed{?}$ 69

100 $\boxed{?}$ 97

4. a. Chọn số lớn nhất trong các số: 42, 39, 9, 80.

b. Chọn số bé nhất trong các số: 65, 27, 86, 100.

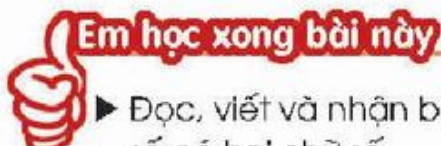


5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

An có 9 cái tem. An cho Bình 3 cái tem. Hỏi An còn lại bao nhiêu cái tem?



$\boxed{?}$ $\boxed{?}$ $\boxed{?}$ $\boxed{?}$ $\boxed{?}$ (cái tem)



Em học xong bài này

- Đọc, viết và nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.
- So sánh và xác định được số lớn nhất, số bé nhất.
- Viết được phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

76. Luyện tập chung



1. Số ?

a. Số gồm 3 chục và 2 đơn vị viết là .

b. Số gồm 8 chục và 5 đơn vị viết là .

c. Số gồm 4 chục và 0 đơn vị viết là .

2. <, >, = ?

75 59

34 46

$14 + 3$ 17

12 $16 - 6$

3. a. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

25

74

9

86

b. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

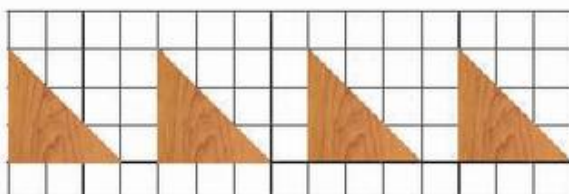
82

29

100

47

4. Cho 4 mảnh gỗ hình tam giác giống nhau:



Hãy ghép 4 mảnh gỗ đó để được hình dưới đây:



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Trong vườn có 4 con gà trống và 6 con gà mái.
Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu con gà?



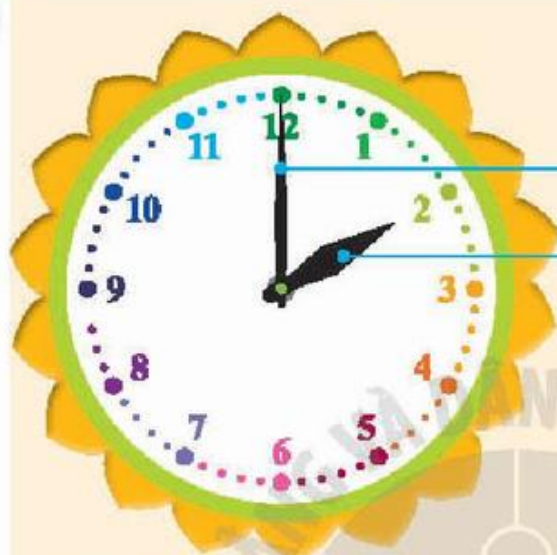
(con gà)



Em học xong bài này

- So sánh và xếp thứ tự được các số trong phạm vi 100.
- Lắp ghép được hình theo yêu cầu.
- Viết được phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

77. Đồng hồ



Kim dài chỉ vào vạch số 12

Kim ngắn chỉ vào vạch số 2

Đồng hồ chỉ 2 giờ



6 giờ



7 giờ



8 giờ

Em đã biết?

- Đọc giờ đúng trên đồng hồ.





1. Đ - S ?



2 giờ ?



12 giờ ?



4 giờ ?

2. Số ?



4 giờ



? giờ



? giờ



? giờ



? giờ



? giờ

3. Đọc giờ trên mỗi đồng hồ:



4. Ngày hôm qua, em làm gì vào:

- a. Buổi sáng, lúc 9 giờ?
- b. Buổi chiều, lúc 4 giờ?
- c. Buổi tối, lúc 8 giờ?



Em học xong bài này

- Bước đầu đọc được giờ đúng trên đồng hồ.
- Bước đầu liên hệ được giờ với các việc diễn ra trong ngày.

78. Luyện tập



1. Số ?



6 giờ



? giờ



? giờ



? giờ

2. Đ - S ?



8 giờ

?



1 giờ

?



5 giờ

?



10 giờ

?

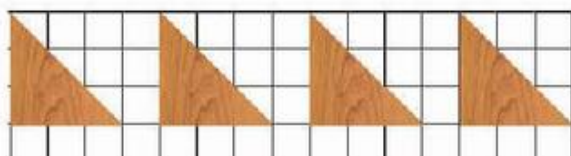
3. Sử dụng đồng hồ trong bộ đồ dùng học tập, quay các kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ:

a. 3 giờ

b. 10 giờ

c. 12 giờ

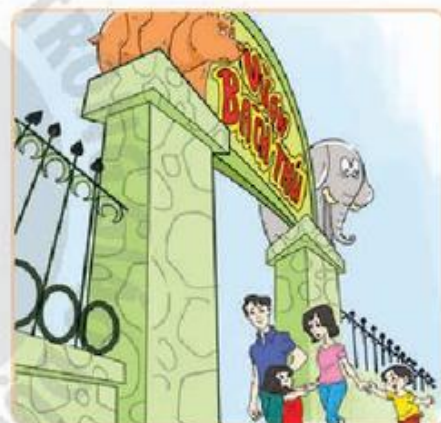
4. Cho 4 mảnh gỗ hình tam giác giống nhau:



Hãy ghép 4 mảnh gỗ đó để được hình dưới đây:



5. Chọn tranh vẽ các hoạt động trong ngày Chủ nhật của gia đình bạn Lâm với đồng hồ chỉ giờ cho thích hợp:



Em học xong bài này

- Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.
- Liên hệ được giờ với các việc diễn ra trong ngày.

79. Các ngày trong tuần lễ



Một tuần lễ có 7 ngày.

Các ngày trong tuần là:

Thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật.

Em đã biết?

- Số ngày trong tuần và tên các ngày trong tuần.



1. Đọc tờ lịch ngày hôm nay rồi cho biết:

- Hôm nay là thứ mấy?
- Hôm qua là thứ mấy?
- Ngày mai là thứ mấy?

2. Đọc thời khoá biểu của lớp em và cho biết:

- Thứ Hai có những môn học nào?
- Thứ Năm có những môn học nào?
- Thứ mấy có môn Mĩ thuật?

3. Hãy cho biết:

- a. Em đi học ở trường vào những ngày nào trong tuần?
- b. Các cô, chú công nhân thường đi làm vào những ngày nào và được nghỉ vào những ngày nào trong tuần?



4. Em hãy tìm hiểu xem tuần này có sinh nhật của bạn nào trong tổ em không. Nếu có thì ngày đó vào thứ mấy?



Em học xong bài này



- Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ.
- Xác định được ngày trong tuần khi xem lịch tờ.
- Liên hệ được ngày trong tuần với một số sự việc trong cuộc sống.

80. Luyện tập



1. Chọn cụm từ thích hợp thay cho [?]:

Thứ Tư; thứ Năm; [?]; [?]; Chủ nhật; [?]; thứ Ba; [?]

2. Một tuần lễ có mấy ngày? Em được nghỉ học những ngày nào trong tuần?

3. Hôm nay là Chủ nhật, ngày mai là thứ mấy? Hôm qua là thứ mấy?

4. Nhìn tranh vẽ, hãy cho biết:

Bạn Hoa đang học bài vào lúc mấy giờ? Thứ mấy?



5. Bạn Lan nói: Sinh nhật của mình vào thứ Bảy tuần này.
Bạn Liên nói: Sinh nhật của mình sau sinh nhật bạn Lan một ngày.

Bạn Hoa nói: Sinh nhật của mình sau sinh nhật bạn Liên một ngày.

Đố em sinh nhật bạn Hoa vào ngày nào trong tuần?



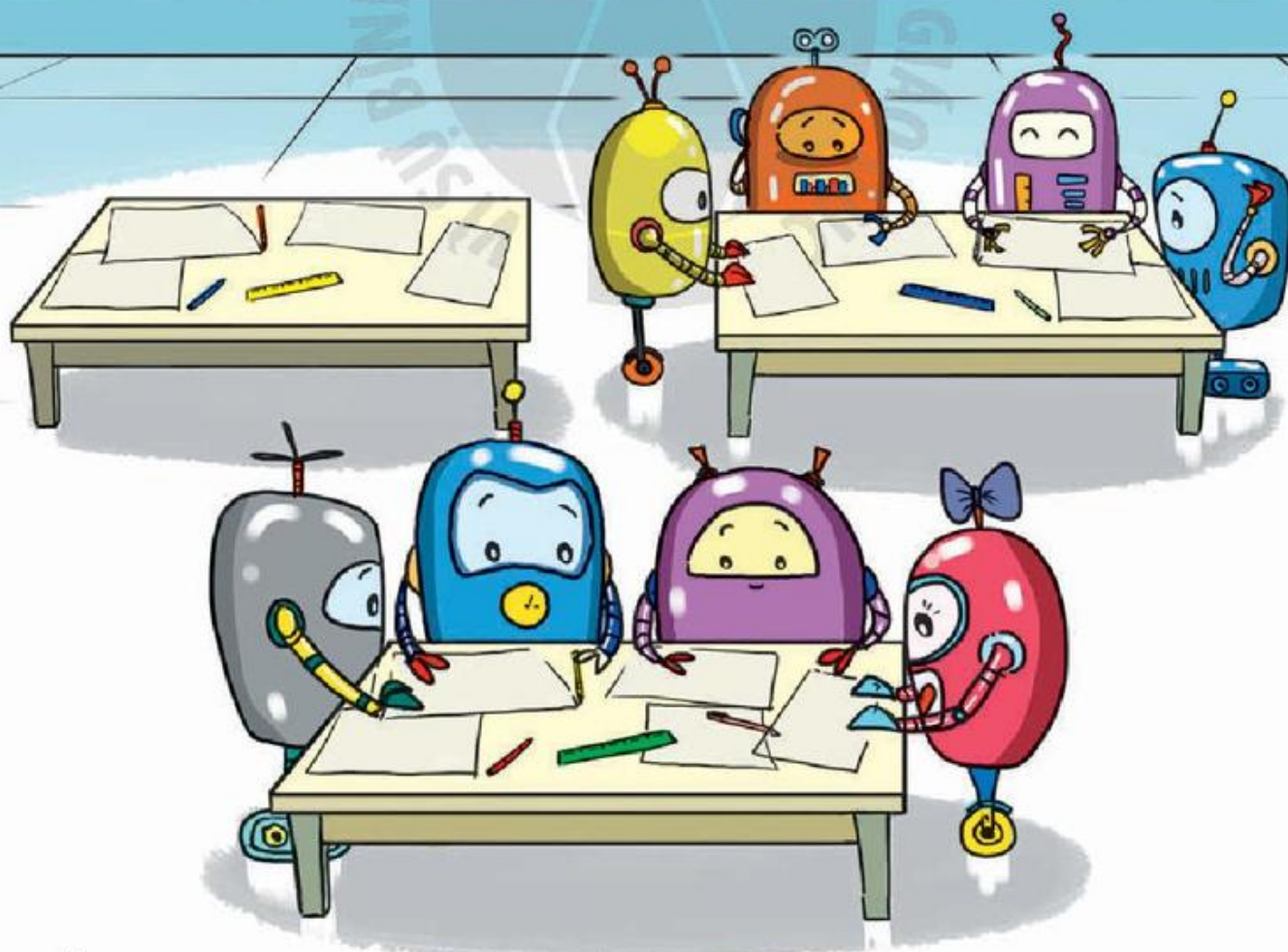
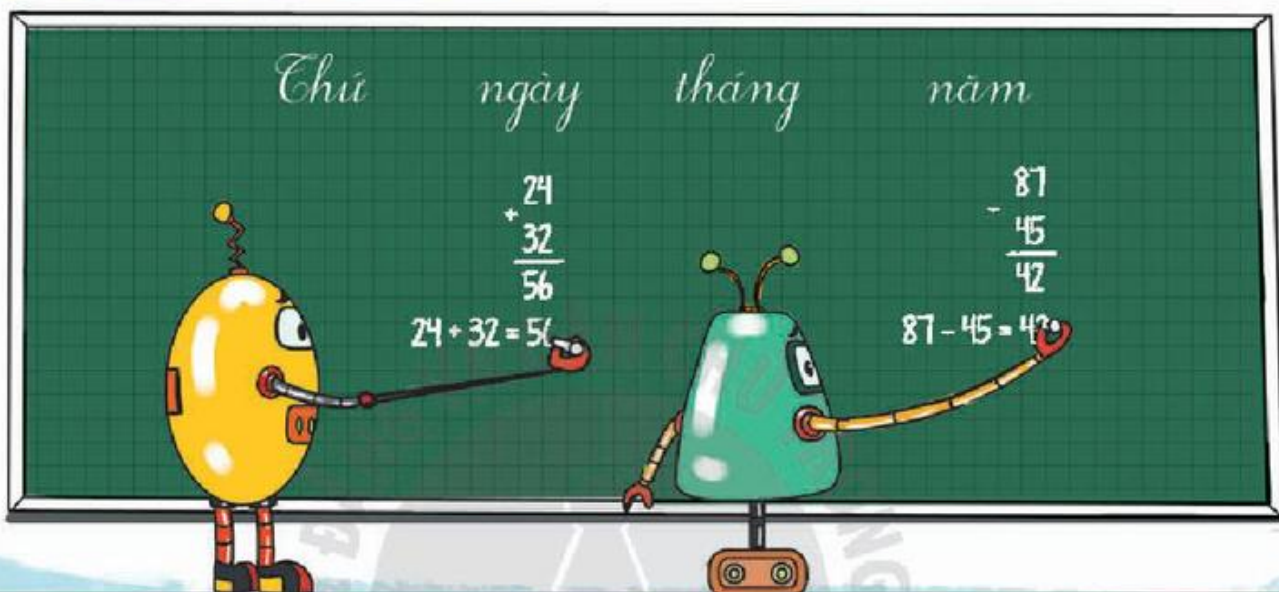
Em học xong bài này

- Nhận biết được thứ tự các ngày trong tuần lễ.
- Xác định được các ngày trong tuần khi xem lịch tờ hằng ngày.

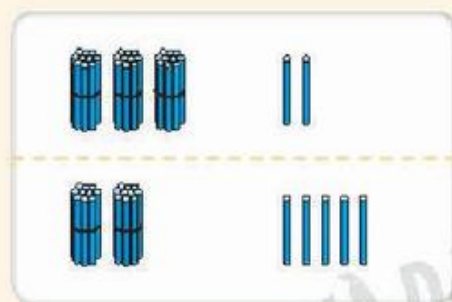
Chủ đề

5

PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ KHÔNG NHỚ TRONG PHẠM VI 100



81. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 100



32

+

25

57

• 2 cộng 5 bằng 7, viết 7

• 3 cộng 2 bằng 5, viết 5

$$32 + 25 = 57$$

- Cộng từ phải sang trái.
- Cộng đơn vị với đơn vị.
- Cộng chục với chục.

32

+

7

39

• 2 cộng 7 bằng 9, viết 9

• Hạ 3, viết 3

$$32 + 7 = 39$$

Em đã biết?

- Cộng không nhớ các số trong phạm vi 100.





1. Tính:

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 59 \\ + 40 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$12 + 47$$

$$8 + 61$$

$$74 + 20$$

3. Tính:

$$20 + 40 + 7$$

$$60 + 5 + 3$$

$$18 - 5 + 40$$



4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Đàn gà nhà Mai có 35 con gà mái và 24 con gà trống.
Hỏi đàn gà nhà Mai có tất cả bao nhiêu con?

(con)



Em học xong bài này

- Bước đầu thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100.
- Bước đầu vận dụng được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán.

82. Luyện tập



1. Cách đặt tính nào đúng?

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 62 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 32 \\ \hline \end{array}$$

2. Tính (theo mẫu):

$$48 \text{ cm} + 31 \text{ cm} = 79 \text{ cm}$$

$$52 \text{ cm} + 33 \text{ cm}$$

$$5 \text{ cm} + 83 \text{ cm}$$

$$60 \text{ cm} + 18 \text{ cm}$$

3. <, >, = ?

$$24 + 45 \quad ? \quad 65$$

$$56 + 23 \quad ? \quad 79$$

$$82 \quad ? \quad 73 + 15$$

$$66 + 21 \quad ? \quad 44 + 50$$

4. Viết mỗi số: 66, 97, 58 thành số chục cộng với số đơn vị (theo mẫu):

$$32 = 30 + 2$$



5. Quan sát tranh và nêu phép cộng thích hợp:

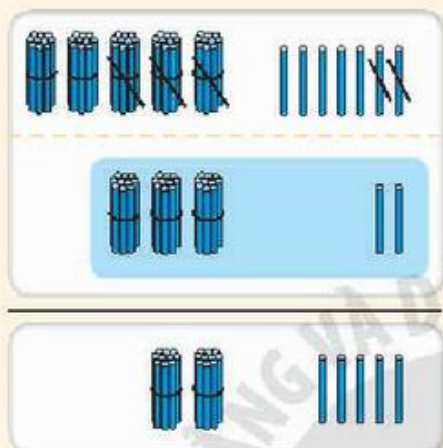


?	?	?	?	?
?	?	?	?	?

Em học xong bài này

- Thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100.
- Vận dụng được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

83. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 100



57

-

32

—————

25

• 7 trừ 2 bằng 5, viết 5

• 5 trừ 3 bằng 2, viết 2

$$57 - 32 = 25$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ - 7 \\ \hline 32 \end{array}$$

• 9 trừ 7 bằng 2, viết 2

• Hạ 3, viết 3

$$39 - 7 = 32$$

48

-

43

—————

05

• 8 trừ 3 bằng 5, viết 5

• 4 trừ 4 bằng 0, viết 0

$$48 - 43 = 5$$

- Trừ từ phải sang trái.
- Trừ đơn vị cho đơn vị.
- Trừ chục cho chục.

Em đã biết?

- Trừ không nhớ các số trong phạm vi 100.





1. Tính:

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 32 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 86 \\ - 82 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$98 - 47$$

$$78 - 72$$

$$74 - 20$$



3. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Cửa hàng có 35 máy vi tính, đã bán 12 máy. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu máy vi tính?



(máy vi tính)

4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Trong vườn có 87 cây cam và chanh, trong đó có 26 cây chanh. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây cam?

(cây cam)

Em học xong bài này



- Bước đầu thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Bước đầu vận dụng được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

84. Luyện tập



1. Cách đặt tính nào đúng?

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 76 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$87 - 55$$

$$69 - 7$$

$$72 - 30$$

3. Tính:

$$87 \text{ cm} - 47 \text{ cm}$$

$$43 \text{ cm} + 44 \text{ cm}$$

$$65 \text{ cm} - 20 \text{ cm}$$

$$27 \text{ cm} - 13 \text{ cm}$$



4. Em hãy nêu tên một số đồ vật có dạng:

a. Khối hộp chữ nhật.

b. Khối lập phương.

5. Mỗi bước chân của em dài khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét? Em hãy đo và kiểm tra lại.

Em học xong bài này



- Thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận dạng được các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật và khối lập phương.
- Vận dụng được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán.

85. Luyện tập chung



1. Tính:

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 61 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$85 - 13$$

$$36 + 12$$

$$56 - 4$$

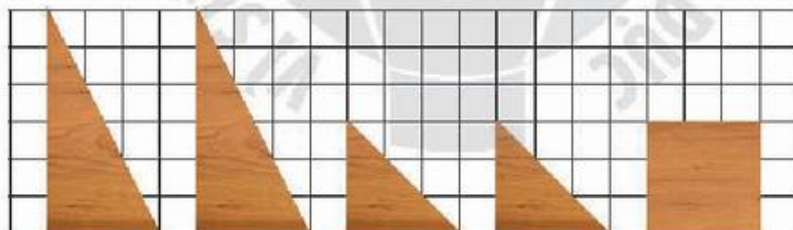
3. Tính:

$$17 \text{ cm} + 42 \text{ cm}$$

$$77 \text{ cm} - 14 \text{ cm}$$

$$57 \text{ cm} - 25 \text{ cm}$$

4. Cho 4 mảnh gỗ hình tam giác và 1 mảnh gỗ hình vuông:



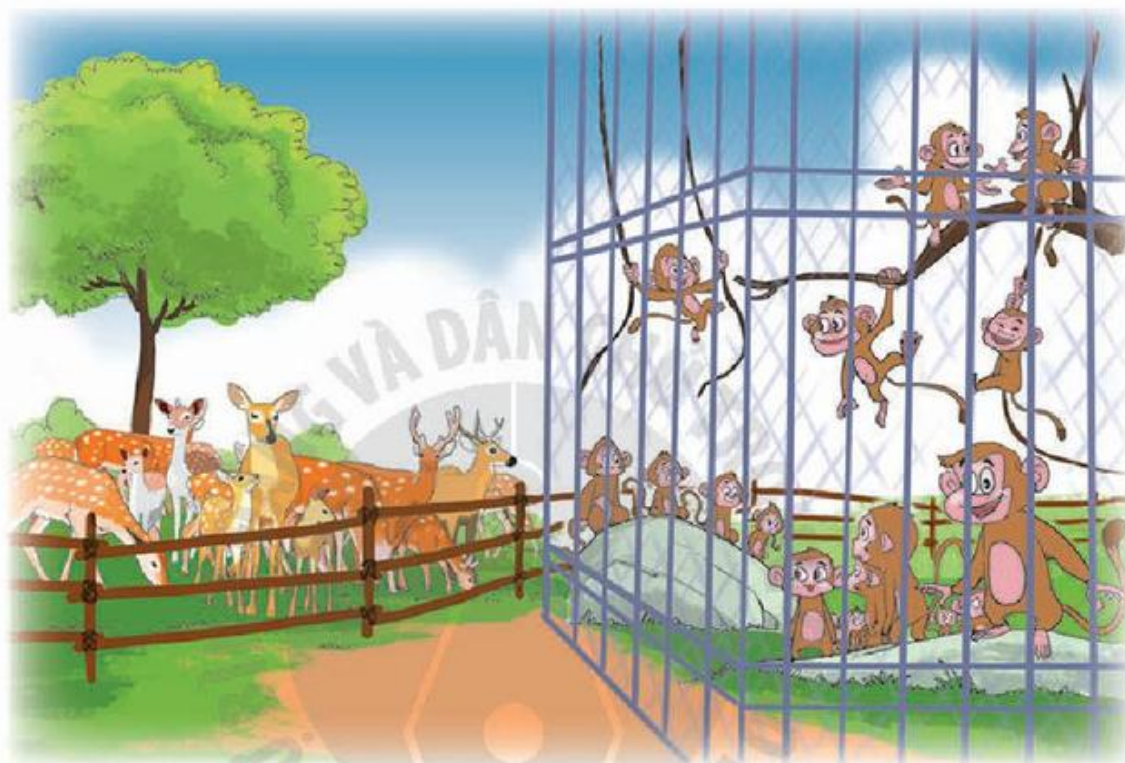
Hãy ghép 5 mảnh gỗ đó để được hình vuông dưới đây:





5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Trong một vườn thú có 45 con khỉ và 23 con hươu.
Hỏi vườn thú đó có tất cả bao nhiêu con khỉ và hươu?



? ? ? ? ? (con)



Em học xong bài này

- Thực hiện thành thạo phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng để xử lý các tình huống trong cuộc sống.
- Lắp ghép được các hình theo yêu cầu.

86. Cộng, trừ nhẩm các số tròn chục



Cộng nhẩm các số tròn chục

$$20 + 40 = ?$$

Nhẩm: $20 = 2$ chục; $40 = 4$ chục

$$2 \text{ chục} + 4 \text{ chục} = 6 \text{ chục}$$

$$6 \text{ chục} = 60$$

$$\text{Vậy: } 20 + 40 = 60$$

Trừ nhẩm các số tròn chục

$$60 - 40 = ?$$

Nhẩm: $60 = 6$ chục; $40 = 4$ chục

$$6 \text{ chục} - 4 \text{ chục} = 2 \text{ chục}$$

$$2 \text{ chục} = 20$$

$$\text{Vậy: } 60 - 40 = 20$$

Em đã biết?

- Cộng, trừ nhẩm hai số tròn chục trong phạm vi 100.



1. Tính nhẩm:

$$30 + 40$$

$$20 + 60$$

$$40 + 50$$

$$90 - 40$$

$$80 - 50$$

$$30 - 10$$

2. Chọn số thích hợp với kết quả của mỗi phép tính:

$30 + 10$

$80 - 30$

$70 + 10$

40

50

20

70

80

$60 - 40$

$40 + 30$

$90 - 20$

3. Tính:

$10 \text{ cm} + 80 \text{ cm}$

$60 \text{ cm} - 20 \text{ cm}$

$50 \text{ cm} + 20 \text{ cm}$



4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Liên hái được 30 bông hoa, Thu hái được 20 bông hoa.
Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa?



□ □ □ □ □ (bông hoa)



Em học xong bài này

- Thực hiện được cộng, trừ nhẩm các số tròn chục trong phạm vi 100.
- Vận dụng được cộng, trừ nhẩm các số tròn chục vào cuộc sống.

87. Luyện tập



1. Tính nhẩm:

$60 + 30$

$50 + 20$

$20 + 20$

$40 - 30$

$60 - 40$

$50 - 20$

2. Số ?

$$\boxed{20} + 40 \rightarrow \boxed{?} - 30 \rightarrow \boxed{?} + 50 \rightarrow \boxed{?}$$

3. <, >, = ?

$90 - 70 \boxed{?} 40$

$20 + 70 \boxed{?} 50$

$60 + 10 - 20 \boxed{?} 50$

4. Chọn dấu (+) hoặc (-) thích hợp thay cho dấu ?:

$50 \boxed{?} 20 = 70$

$80 \boxed{?} 70 = 10$

$30 \boxed{?} 50 = 90 \boxed{?} 10$



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Bác Hải có 70 quả cam,
bác đã bán 20 quả.
Hỏi bác Hải còn lại bao
nhiêu quả cam?

$\boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} \boxed{?}$ (quả)

Em học xong bài này

- Thực hiện thành thạo cộng, trừ nhẩm các số tròn chục trong phạm vi 100.
- Vận dụng được cộng, trừ nhẩm các số tròn chục vào cuộc sống.

88. Luyện tập chung



1. Tính:

$68 - 5$

$70 - 20$

$42 + 6$

$50 + 50$

2. Đặt tính rồi tính:

$47 + 32$

$77 - 15$

$58 + 21$

3. Tính:

$36 \text{ cm} - 12 \text{ cm}$

$30 \text{ cm} + 40 \text{ cm}$

$60 \text{ cm} - 10 \text{ cm} + 8 \text{ cm}$

4. Cho 2 miếng gỗ khối hộp chữ nhật và 2 miếng gỗ khối lập phương:



Hãy ghép 4 miếng gỗ đó để được một khối hộp chữ nhật.



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Trong phong trào thu gom rác thải nhựa của lớp 1A, tổ 1 thu gom được 40 vỏ chai nhựa, tổ 2 thu gom được 42 vỏ chai nhựa. Hỏi cả hai tổ thu gom được bao nhiêu vỏ chai nhựa?



(vỏ chai)



Em học xong bài này

- Thực hiện được phép cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 100.
- Thực hiện thành thạo phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.



89. Khám phá ngôi trường em học

Em muốn biết

- Các thầy, cô giáo và các cô chú nhân viên trong trường em.
- Lớp và phòng học của trường em.
- Nhận biết vị trí và hình dạng các vật trong trường em.

Tổ chức khám phá

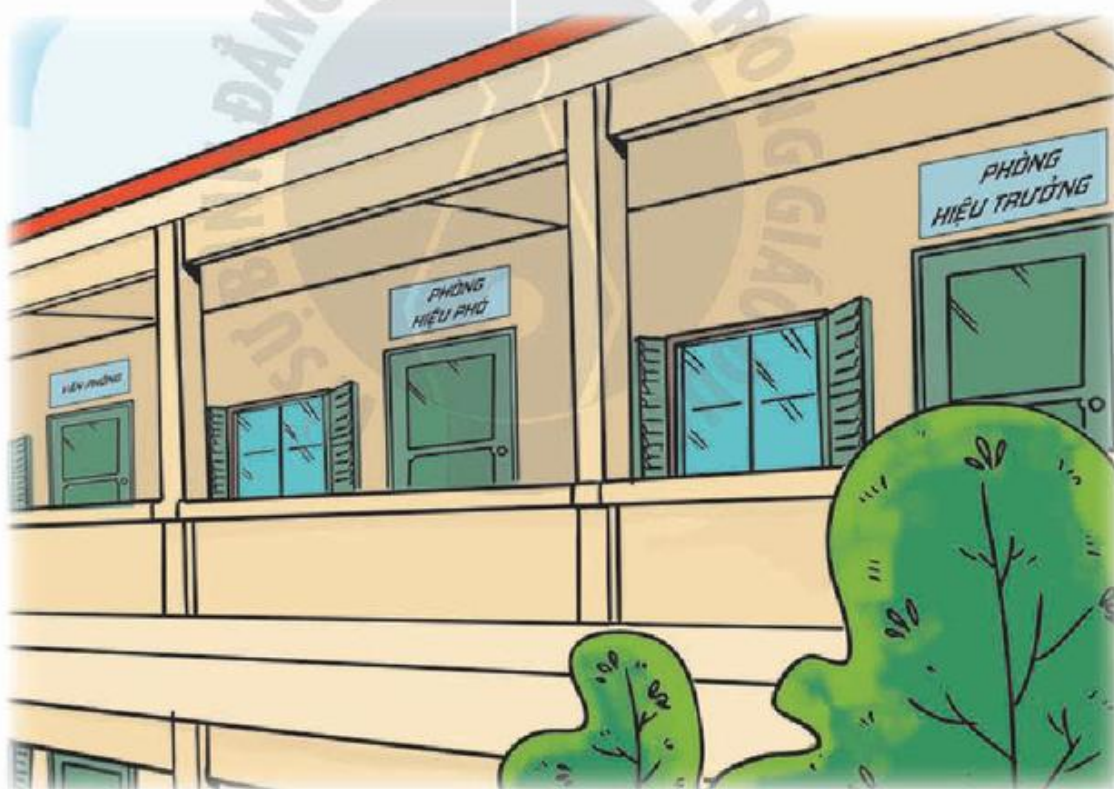
Chủ đề 1: Các thầy, cô giáo và các cô chú nhân viên trong trường em



Em tìm hiểu:

- Tên trường em là gì?
- Địa chỉ trường em ở đâu?
- Tên thầy (cô) Hiệu trưởng, thầy (cô) chủ nhiệm lớp em.
- Trường em có bao nhiêu cô, chú làm việc ở thư viện, phòng y tế, phòng bảo vệ?

Chủ đề 2: Lớp và phòng học của trường em



Em tìm hiểu:

- Trường em có bao nhiêu lớp?
- Trường em có bao nhiêu phòng học?

Chủ đề 3: Nhận biết vị trí và hình dạng các vật em nhìn thấy trong trường



Em tìm hiểu:

Quan sát trong trường, em hãy kể tên:

- Các đồ vật có dạng hình vuông.
- Các đồ vật có dạng hình tròn.
- Các đồ vật có dạng hình tam giác.
- Các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.

Em làm được gì?

- Báo cáo kết quả trải nghiệm.
- Thảo luận, góp ý kiến bổ sung.



Giao lưu – chia sẻ

- Trưng bày kết quả trải nghiệm.
- Em hãy kể lại cho gia đình và người thân về ngôi trường em đang học.

90. Ôn tập về các số trong phạm vi 100



1. Số ?

8	
5	3

8 gồm 5 và 3

8 gồm 3 và 5

10	
?	4

10 gồm ? và 4

10 gồm 4 và ?

6	
1	?

6 gồm 1 và ?

6 gồm ? và 1

7	
?	2

7 gồm ? và 2

7 gồm 2 và ?

2. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho ? :

a. Số bảy mươi mốt viết là . Số đó gồm chục và đơn vị.

b. Số 84 đọc là . Số đó gồm chục và đơn vị.

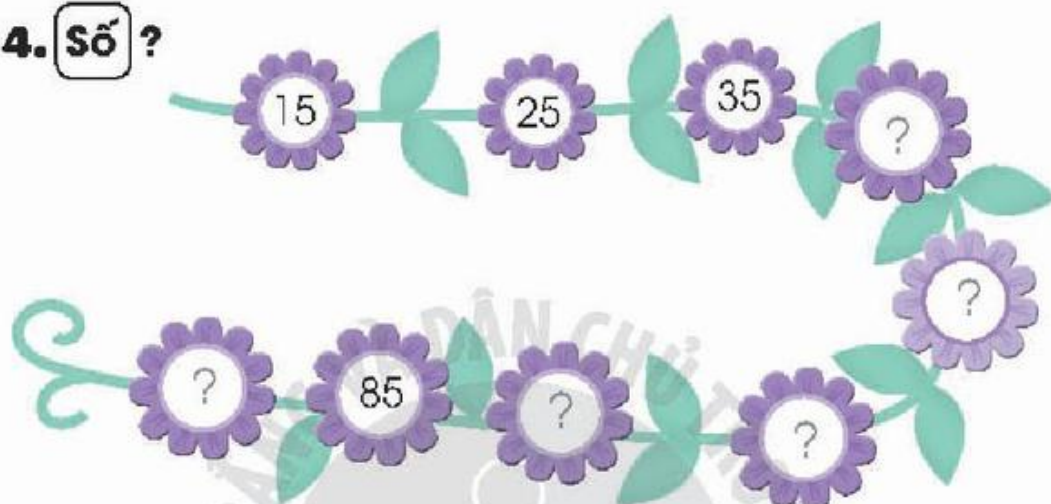
c. Số có 3 chục và 6 đơn vị viết là và đọc là .

3. Sắp xếp các số 48, 72, 9, 45 theo thứ tự:

a. Từ bé đến lớn.

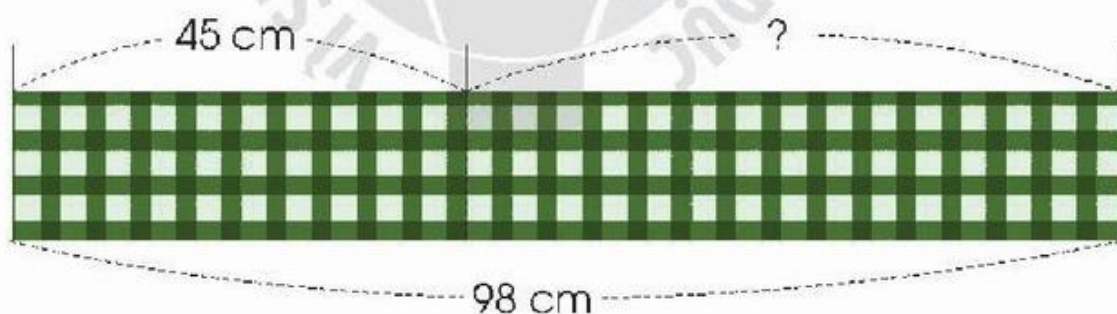
b. Từ lớn đến bé.

4. Số ?



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Mảnh vải dài 98 cm. Sau khi mẹ cắt một mảnh để may túi thì còn lại mảnh vải dài 45 cm. Hỏi mẹ đã cắt đi mảnh vải dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



(cm)

Em học xong bài này

- Tách được số.
- Đọc, viết, đếm và sắp xếp được các số có hai chữ số.

91. Ôn tập về các số trong phạm vi 100 (tiếp theo)



1. Chọn số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Chục	Đơn vị	Đọc số	Viết số
?	?	năm mươi lăm	?
?	?	?	45
?	?	ba mươi mốt	?
2	9	?	?
?	?	?	34
?	?	bảy mươi	?

2. Viết mỗi số 26, 99, 17 thành số chục cộng với số đơn vị.

3. Số ?

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	?	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	21	?	23	?	25	26	27	28	29	30
	31	32	?	34	35	?	37	?	39	40
	?	42	43	44	?	46	?	48	49	?
	?	52	53	?	55	56	57	?	59	60
	?	62	?	64	65	?	67	68	?	70
	71	?	73	74	?	76	77	?	79	?
	81	82	83	?	85	?	87	?	?	90
	91	?	93	?	95	96	?	98	?	100

4. Tìm các số:

- Có hai chữ số, nhỏ hơn 18.
- Có hai chữ số, lớn hơn 95.
- Là số tròn chục, lớn hơn 50.



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Quyển truyện có 84 trang. An đã đọc được 32 trang.
Hỏi còn lại bao nhiêu trang An chưa đọc?

(trang)



Em học xong bài này

- ▶ Đọc, viết, đếm thành thạo các số trong phạm vi 100.
- ▶ So sánh thành thạo các số trong phạm vi 100.

92. Ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 100



1. $<, >, =$?

65 68

9 21

95 95

43 34

57 29

80 100

2. a. Sắp xếp các số 60, 76, 91, 89 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b. Sắp xếp các số 51, 86, 47, 87 theo thứ tự từ lớn đến bé.

3. **Số** ?

a. Số lớn nhất có hai chữ số là .

b. Số bé nhất có hai chữ số là .



4. **Tìm phép tính, nêu câu trả lời:**

Có hai đội đua thuyền trên sông. Mỗi đội đua có 13 người.
Hỏi cả hai đội đua thuyền có tất cả bao nhiêu người?



- 5.** Vườn cây ăn quả của nhà bạn Minh có 79 cây quýt, 92 cây cam và 85 cây bưởi.

a. **D – S**?

– Số cây quýt ít hơn số cây cam.

– Số cây cam nhiều hơn số cây bưởi.

– Số cây bưởi bằng số cây quýt.

b.

– Loại cây nào có số lượng nhiều nhất?

– Loại cây nào có số lượng ít nhất?



Em học xong bài này

- ▶ So sánh được các số trong phạm vi 100.
- ▶ Sắp xếp được các số theo thứ tự trong phạm vi 100.
- ▶ Vận dụng được so sánh các số vào cuộc sống.

93. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100



1. Tính:

$40 + 50$

$60 + 7$

$70 + 30$

$80 - 20$

$69 - 9$

$100 - 50$

2. Đặt tính rồi tính:

$34 + 25$

$7 + 92$

$89 - 39$

$65 - 63$

3. Tính:

$36 - 10 + 3$

$50 + 20 - 40$

$25 + 33 + 31$

4. $<, >, =$?

$60 + 35$ 90

$80 - 30$ 60

90 $40 + 50$



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Đội văn nghệ của trường có 12 bạn nam và 16 bạn nữ.
Hỏi đội văn nghệ có tất cả bao nhiêu bạn?

(bạn)

Em học xong bài này



- Thực hiện được phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Vận dụng được phép cộng, phép trừ không nhớ để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

94. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 (tiếp theo)



1. Tính:

$23 + 5$

$70 - 40$

$19 - 9$

$40 + 40$

$60 + 40$

$58 - 5$

2. Đặt tính rồi tính:

$96 - 32$

$7 + 52$

$79 - 36$

$41 + 16$

3. Tính:

$25 + 34 - 42$

$87 - 63 + 30$

$15 + 33 + 41$

4. $<, >, =$?

$24 + 61$



78

$98 - 24$



74

$86 - 32$



$20 + 40$



5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Khối 1 của Trường Tiểu học Lao Chải có 42 bạn nữ và 45 bạn nam. Hỏi khối 1 của trường Lao Chải có tất cả bao nhiêu học sinh?



(học sinh)

Em học xong bài này

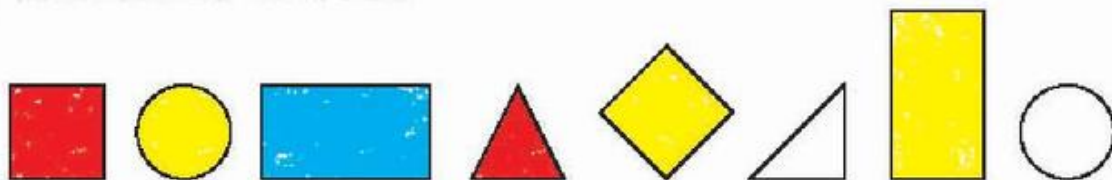


- Thực hiện thành thạo các phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ nhầm trong phạm vi 100.
- Vận dụng được phép cộng, phép trừ không nhớ vào cuộc sống.

95. Ôn tập về hình học

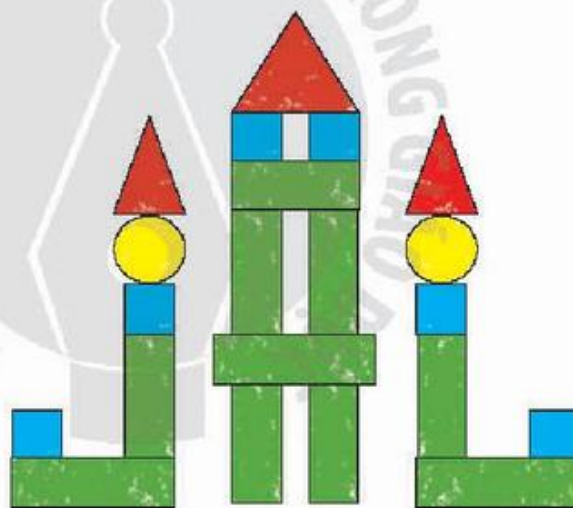
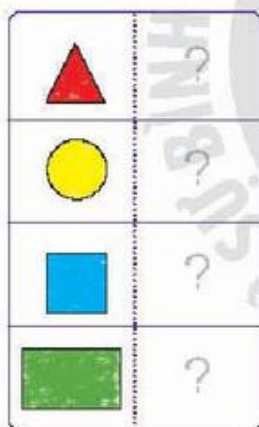


1. Cho các hình sau:



- Hình thứ nhất và hình thứ tư có màu gì?
- Hình màu xanh là hình thứ mấy?
- Hình thứ hai là hình gì? Hình thứ năm là hình gì?
Hình thứ bảy là hình gì?

2. Số ?



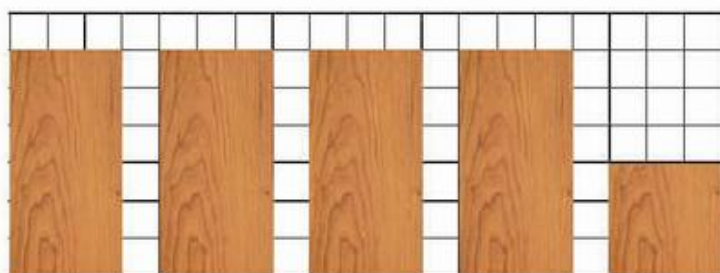
3. Quan sát tranh:



Nêu tên:

- Đồ vật có dạng hình tròn.
- Đồ vật có dạng hình tam giác.
- Đồ vật có dạng khối lập phương.
- Đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.

4. Cho 4 mảnh gỗ hình chữ nhật và 1 mảnh gỗ hình vuông:



Hãy ghép 5 mảnh gỗ đó để được hình vuông sau:



5. Cho 1 miếng gỗ khối hộp chữ nhật và 6 miếng gỗ khối lập phương:



Hãy ghép 7 miếng gỗ đó thành:

a. Một khối hộp chữ nhật.

b. Một khối lập phương.



Em học xong bài này



- ▶ Xác định được số thứ tự trong dãy các hình.
- ▶ Nhận dạng được các hình đã học.
- ▶ Lắp ghép được hình theo yêu cầu.

96. Ôn tập về đại lượng



1.a. Ước lượng độ dài các băng giấy dưới đây:



A



B



C

b. Dùng thước đo lại để kiểm tra.

2. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Một sợi dây dài 85 cm. Chú thợ cắt đi một đoạn dài 32 cm. Hỏi đoạn dây còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

(cm)

3. Tính:

$$17 \text{ cm} + 30 \text{ cm}$$

$$35 \text{ cm} - 10 \text{ cm}$$

$$40 \text{ cm} - 20 \text{ cm} + 10 \text{ cm}$$

4. Số ?



giờ



giờ



giờ



? giờ



? giờ

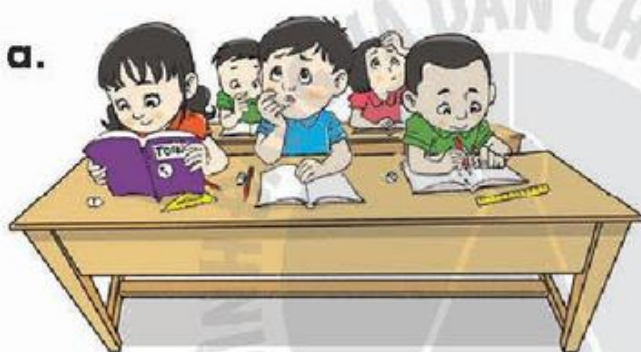


? giờ



5. Xem tranh vẽ và cho biết:

a.



Các bạn đang học bài vào lúc mấy giờ? Thứ mấy?

b.



Các bạn đang bơi vào lúc mấy giờ? Thứ mấy?

Em học xong bài này

- ▶ Đo được độ dài một số vật bằng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.
- ▶ Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.
- ▶ Liên hệ được giờ đúng trên đồng hồ với một số việc hằng ngày.

97. Ôn tập cuối năm



1. Số ?

- a. Số 72 gồm chục và đơn vị.
- b. Số 86 gồm chục và đơn vị.
- c. Số gồm 6 chục và 2 đơn vị viết là .
- d. Số gồm 3 chục và 3 đơn vị viết là .

2. a. Tìm số lớn nhất trong các số: 29, 92, 70, 78.

b. Tìm số bé nhất trong các số: 52, 9, 48, 90.

3. <, >, = ?

$$63 \quad ? \quad 36$$

$$34 + 3 \quad ? \quad 37$$

$$9 \quad ? \quad 22$$

$$60 - 20 \quad ? \quad 20 + 7$$

4. Đặt tính rồi tính:

$$23 + 44$$

$$70 + 12$$

$$73 - 21$$

$$86 - 4$$



5. Lâm, Hùng, Hoa tham gia sinh hoạt hè tại nhà văn hoá thiếu nhi.

a. Số ?



Lâm đến bơi lúc ? giờ.



Hoa đến vẽ tranh lúc ? giờ.



Hùng đến chơi cầu lông lúc ? giờ.



b. Bạn nào đến nhà văn hoá sớm nhất?

Bạn nào đến nhà văn hoá muộn nhất?



Em học xong bài này

- ▶ So sánh thành thạo các số trong phạm vi 100.
- ▶ Thực hiện thành thạo phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- ▶ Xem được giờ đúng trên đồng hồ.

98. Ôn tập cuối năm



1. Số ?



2. Số ?

$$70 + \boxed{?} = 90$$

$$\boxed{?} + 50 = 70$$

$$9 - \boxed{?} = 3$$

$$10 - \boxed{?} = 2$$

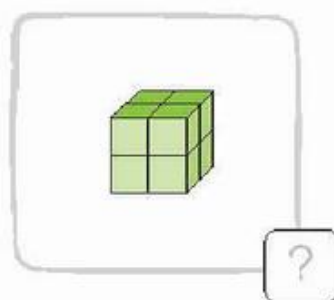
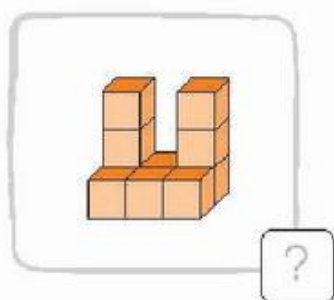
3. Tính:

$$30 + 50 - 10$$

$$22 + 10 + 13$$

$$87 + 2 - 26$$

4. Số ?





5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Một cửa hàng có 28 thú bông, cửa hàng đã bán được 13 thú bông. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu thú bông?



? ? ? ? ? (thú bông)



Em học xong bài này

- ▶ Đếm thành thạo các số trong phạm vi 100.
- ▶ Thực hiện thành thạo phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- ▶ Đếm được số lượng các hình khối.

99. Ôn tập cuối năm



1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:

Đọc số	Viết số
ba mươi bảy	?
?	74
sáu mươi mốt	?
?	59
năm mươi lăm	?

2. Sắp xếp các số 36, 87, 63, 85 theo thứ tự:

a. Từ bé đến lớn.

b. Từ lớn đến bé.

3. Tính:

$$34 \text{ cm} + 52 \text{ cm}$$

$$70 \text{ cm} - 40 \text{ cm}$$

$$12 \text{ cm} + 76 \text{ cm}$$

$$69 \text{ cm} - 65 \text{ cm}$$



4. Em hãy nêu tên một số đồ vật có dạng:

- a. Hình tam giác.
- b. Hình vuông.
- c. Khối hộp chữ nhật.

5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Có 25 ô tô đỗ trong bến. Có 3 ô tô đang đi vào bến.
Hỏi có tất cả bao nhiêu ô tô?



? ? ? ? ? (ô tô)

Em học xong bài này

- ▶ Đọc, viết thành thạo các số trong phạm vi 100.
- ▶ Sắp xếp được nhóm 4 số theo thứ tự tăng dần, giảm dần.
- ▶ Thực hiện thành thạo phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- ▶ Nhận dạng được các hình đã học.

100. Ôn tập cuối năm



1. Số ?

$$70 \xrightarrow{+20} \boxed{?} \xrightarrow{-50} \boxed{?} \xrightarrow{+30} \boxed{?}$$

2. Đặt tính rồi tính:

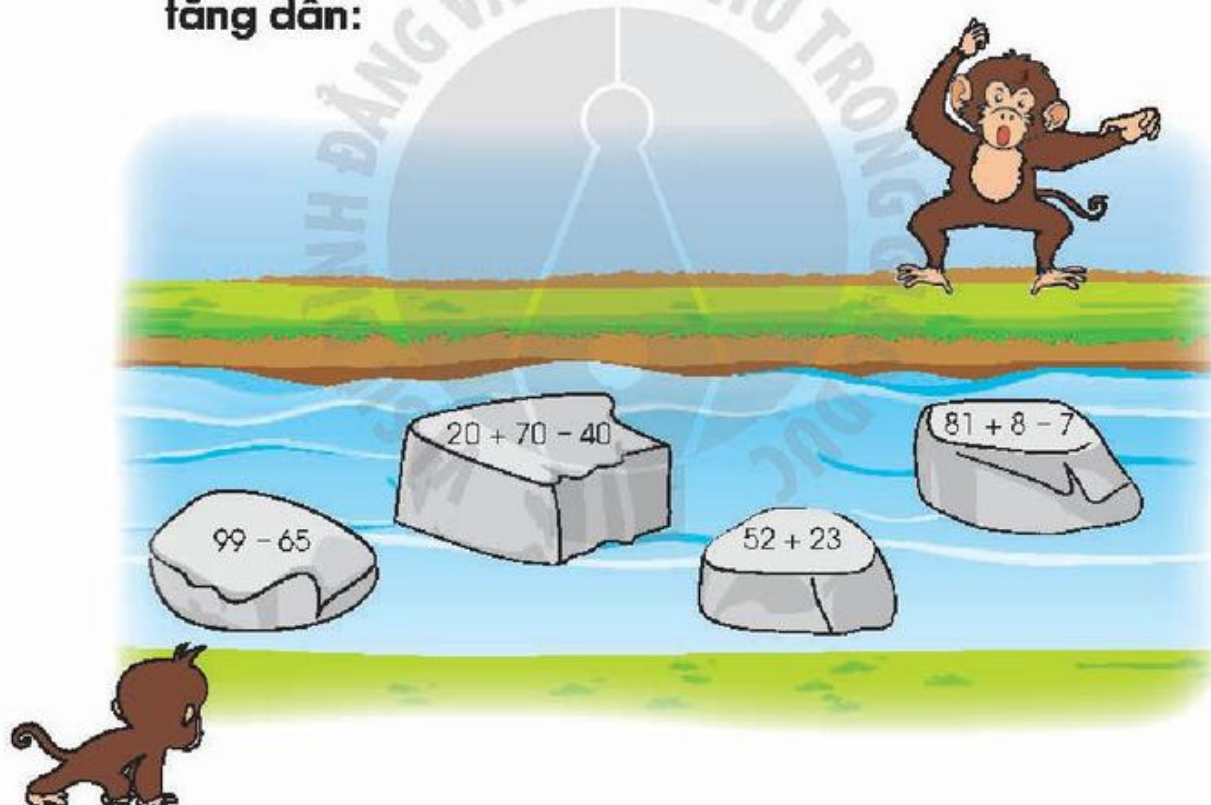
$25 + 43$

$67 + 21$

$86 - 3$

$96 - 91$

3. Chọn đường đi theo thứ tự các phép tính có kết quả tăng dần:



4. Em hãy nêu tên một số đồ vật có dạng:

- Hình chữ nhật.
- Hình tròn.
- Khối lập phương.

5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời:

Có 8 con bê trong chuồng, một lúc sau có 3 con chạy ra khỏi chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con trong chuồng?



? ? ? ? ? (con)

Em học xong bài này

- Thực hiện thành thạo các phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- Nhận dạng được các hình đã học.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
Chục	7	Số tròn chục	38
Đơn vị	7	Chữ số	43
Phép cộng không nhớ	12	Số có hai chữ số	43
Phép trừ không nhớ	14	Giờ	66
Độ dài	21	Giờ đúng	66
Xăng-ti-mét	24	Tuần lễ	71
Số đo	26	Đại lượng	101
Bài toán có lời văn	31		

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: NGUYỄN XUÂN BÌNH - TRẦN THỊ THU - NGUYỄN HỌC THỨC

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Thiết kế sách: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Trình bày bìa: NGUYỄN VĂN ĐÔNG - DƯƠNG BẢO NGỌC - PHẠM HOÀI THANH

Minh họa: LƯƠNG NGỌC DŨNG - NGUYỄN VĂN ĐÔNG - NGUYỄN HỮU QUANG

Sửa bản in: TRẦN THỊ THU

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

**Bản quyền © (2020) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.**

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.

TOÁN 1 - TẬP HAI

Mã số:

In bản (QĐ: TK), khổ 19 x 28,5 cm.

Đơn vị in: Địa chỉ:

Cơ sở in: Địa chỉ:

Số ĐKXB: .../CXBP/.../GD

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày tháng năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: